

CHƯƠNG TRÌNH HỎI ĐÁP CỤC THUẾ BẮC NINH THÁNG 10/2021

Tên người hỏi: Nguyễn Thị Khánh Linh, Tên doanh nghiệp/tổ chức: Công ty TNHH Hợp Lực, Email: cstax2021@gmail.com, Mst: 2300105208

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực vận tải hàng hóa, có mua một chiếc ô tô tải có giá trị dưới 100 triệu đồng của cá nhân không kinh doanh. Công ty có làm hợp đồng mua bán với cá nhân đó. Hai bên có biên bản giao nhận, công ty có phiếu chi tiền thanh toán trả cá nhân nêu trên. Công ty đã hoàn thành thủ tục chuyển đăng ký xe sang tên công ty. Xin hỏi: Chiếc xe tải kia có được tính là tài sản của công ty? Khấu hao của xe tải có được là chi phí hợp lệ để tính thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty không?

Trả lời:

Trả lời: Chi cục Thuế khu vực Từ Sơn – Yên Phong trả lời như sau:

Căn cứ Điều 5 thông tư 219/2013/TT-BTC quy định: Các trường hợp không phải kê khai tính nộp thuế GTGT gồm:

- Tổ chức, cá nhân không kinh doanh, không phải là người nộp thuế GTGT bán tài sản.

Tại điều 4 thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 6 thông tư số 78/2014/TT-BTC quy định các khoản chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN như sau:

“1. Trừ các khoản chi không được trừ nêu tại Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

c) Khoản chi nếu có hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.....”

2.4 Chi phí của doanh nghiệp mua hàng hóa, dịch vụ (không có hóa đơn, được phép lập Bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ mua vào theo mẫu số 01/TNDN kèm theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC) nhưng không lập Bảng kê kèm theo chứng từ thanh toán cho người bán hàng, cung cấp dịch vụ trong các trường hợp:

- Mua tài sản, dịch vụ của hộ, cá nhân không kinh doanh trực tiếp bán ra;

Căn cứ các quy định và hướng dẫn nêu trên, trường hợp doanh nghiệp có mua ô tô tải của cá nhân không kinh doanh thuộc đối tượng không phải kê khai nộp thuế GTGT thì được trích khấu hao xe tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế TNDN khi có đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn!

Tên người hỏi: NGUYỄN THỊ HÀ, Tên doanh nghiệp/tổ chức: Cty TNHH Dinh dưỡng Vicofeed, Email: dichvuketoanbn@gmail.com, Mst: 2301121354

Điều kiện để tính là chi phí hợp lý của doanh nghiệp khi DN mua máy móc, dây chuyền sản xuất của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không sử dụng nữa bán lại?

Trả lời:

Chi cục Thuế khu vực Từ Sơn - Yên Phong trả lời như sau:

Trường hợp doanh nghiệp mua máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không sử dụng nữa bán lại thì để được tính vào tài sản của doanh nghiệp và trích khấu hao tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN thì cần phải có hóa đơn và chứng từ thanh toán theo quy định.

Nếu hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có sử dụng hóa đơn thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện xuất hóa đơn bán máy móc, dây chuyền sản xuất cho doanh nghiệp.

Nếu hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không sử dụng hóa đơn thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện mua hóa đơn lẻ của Cơ quan Thuế để xuất bán máy móc, dây chuyền cho doanh nghiệp.

Trân trọng cảm ơn!

Tên người hỏi: NGUYỄN THỊ HÀ, Tên doanh nghiệp/tổ chức: Công ty TNHH SXKD TM Quang Anh, Email: dichvuketoanbn@gmail.com, Mst: 2301130687

Tại công ty TNHH một thành viên thì tài khoản cá nhân của Giám đốc công ty (đồng thời là chủ sở hữu Công ty) chuyển tiền đến tài khoản công ty và ngược lại chuyển tiền từ tài khoản công ty đến tài khoản cá nhân giám đốc có được coi là giao dịch hợp lý hay không?

Trả lời:

Chi cục Thuế khu vực Từ Sơn - Yên Phong trả lời như sau:

Về thực hiện giao dịch rút tiền, chuyển tiền doanh nghiệp thực hiện theo quy định của ngân hàng nhà nước. Tuy nhiên, doanh nghiệp cần làm rõ việc thực hiện chuyển tiền từ tài khoản của doanh nghiệp đến tài khoản cá nhân của giám đốc để thực hiện nghiệp vụ kế toán, nghiệp vụ kinh tế gì?

Trân trọng cảm ơn!

Tên người hỏi: Nguyễn Thị Nhân, Tên doanh nghiệp/tổ chức: Công ty SX và TM Hòa Hảo TNHH, Email: nhanaccbn@gmail.com, Mst: 2300319087

Công ty A là công ty TNHH có hai thành viên. Tỷ lệ góp vốn là 50-50. Hai thành viên của công ty A là đối tượng được quy định trong quy định các bên liên kết Hai thành viên công ty A cùng góp vốn vào công ty B với tỷ lệ vốn góp của mỗi cá nhân < 25% vốn của công ty B Xin hỏi: + Công ty A và công ty B có quan hệ liên kết không ? + Nếu công ty A và công ty B có phát sinh quan hệ mua bán hàng hóa thì đó có là giao dịch liên kết ?

Trả lời:

Chi cục thuế KV Từ Sơn – Yên Phong trả lời như sau:

Căn cứ Khoản 1, Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ quy định :

“1. Các bên có quan hệ liên kết (sau đây viết tắt là “bên liên kết”) là các bên có mối quan hệ thuộc một trong các trường hợp:

- a) Một bên tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát, góp vốn hoặc đầu tư vào bên kia;*
- b) Các bên trực tiếp hay gián tiếp cùng chịu sự điều hành, kiểm soát, góp vốn hoặc đầu tư của một bên khác.*

2. Các bên liên kết tại khoản 1 điều này được quy định cụ thể như sau:

- a) Một doanh nghiệp nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp ít nhất 25% vốn góp của chủ sở hữu của doanh nghiệp kia;
- b) Cả hai doanh nghiệp đều có ít nhất 25% vốn góp của chủ sở hữu do một bên thứ ba nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp;
- c) Một doanh nghiệp là cổ đông lớn nhất về vốn góp của chủ sở hữu và nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp ít nhất 10% tổng số cổ phần của doanh nghiệp kia;
- d) Một doanh nghiệp bảo lãnh hoặc cho một doanh nghiệp khác vay vốn dưới bất kỳ hình thức nào (bao gồm cả các khoản vay từ bên thứ ba được đảm bảo từ nguồn tài chính của bên liên kết và các giao dịch tài chính có bản chất tương tự) với điều kiện khoản vốn vay ít nhất bằng 25% vốn góp của chủ sở hữu của doanh nghiệp đi vay và chiếm trên 50% tổng giá trị các khoản nợ trung và dài hạn của doanh nghiệp đi vay;
- đ) Một doanh nghiệp chỉ định thành viên ban lãnh đạo điều hành hoặc nắm quyền kiểm soát của một doanh nghiệp khác với điều kiện số lượng các thành viên được doanh nghiệp thứ nhất chỉ định chiếm trên 50% tổng số thành viên ban lãnh đạo điều hành hoặc nắm quyền kiểm soát của doanh nghiệp thứ hai; hoặc một thành viên được doanh nghiệp thứ nhất chỉ định có quyền quyết định các chính sách tài chính hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thứ hai;
- e) Hai doanh nghiệp cùng có trên 50% thành viên ban lãnh đạo hoặc cùng có một thành viên ban lãnh đạo có quyền quyết định các chính sách tài chính hoặc hoạt động kinh doanh được chỉ định bởi một bên thứ ba;
- g) Hai doanh nghiệp được điều hành hoặc chịu sự kiểm soát về nhân sự, tài chính và hoạt động kinh doanh bởi các cá nhân thuộc một trong các mối quan hệ vợ, chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ, anh, chị em cùng cha khác mẹ, anh, chị, em cùng mẹ khác cha, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha; ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột;
- h) Hai cơ sở kinh doanh có mối quan hệ trụ sở chính và cơ sở thường trú hoặc cùng là cơ sở thường trú của tổ chức, cá nhân nước ngoài;
- i) Các doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của một cá nhân thông qua vốn góp của cá nhân này vào doanh nghiệp đó hoặc trực tiếp tham gia điều hành doanh nghiệp;
- k) Các trường hợp khác trong đó doanh nghiệp chịu sự điều hành, kiểm soát, quyết định trên thực tế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp kia;
- l) Doanh nghiệp có phát sinh các giao dịch nhượng, nhận chuyển nhượng vốn góp ít nhất 25% vốn góp của chủ sở hữu của doanh nghiệp trong kỳ tính thuế; vay, cho vay ít nhất 10% vốn góp của chủ sở hữu tại thời điểm phát sinh giao dịch trong kỳ tính thuế với cá nhân điều hành, kiểm soát doanh nghiệp hoặc với cá nhân thuộc trong một các mối quan hệ theo quy định tại điểm g khoản này.

”

Do dự kiện Công ty nêu ra về điều kiện góp vốn như Công ty trình bày chưa đủ cơ sở để kết luận các Công ty có quan hệ liên kết hay không. Đề nghị Công ty nghiên cứu quy định về việc kiểm soát, điều hành của các thành viên góp vốn tại Công ty A và Công ty B, bên cạnh việc đầu tư góp vốn để xác định rõ Công ty A và Công ty B có quan hệ liên kết theo quy định nêu trên.

Mr Wick Kiểm toán – Đào tạo tư duy toàn diện Kế toán, BCTC & rà soát rủi ro CIT

Page: Mr Wick Kiểm toán

Group: Diễn đàn Thuế TNCN chuyên sâu

Website: taichinhketoan.edu.com

Zalo/Mobile: 0936709396

Trường hợp, Công ty A và Công ty B có quan hệ liên kết thì giao dịch mua bán giữa hai công ty là giao dịch liên kết, Công ty có trách nhiệm kê khai giao dịch liên kết theo quy định tại Nghị định 132/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn về Luật Quản lý thuế hiện hành.

Nếu Công ty còn vướng mắc vui lòng gửi văn bản và các hồ sơ kèm theo về Chi cục Thuế khu vực Từ Sơn - Yên Phong để được giải đáp.

Trân trọng cảm ơn!

Tên người hỏi: Nguyễn Thị Thu Trang, Tên doanh nghiệp/tổ chức: Công ty An Việt,

Email: nguyenthithutrangbacninh@gmail.com, Mst: 2300236433

Mình xin hỏi đối với những chi Phí thực tế phải chi của công ty mà giá trị nhỏ dưới 200k rất khó để lấy hoá đơn thanh toán thì công ty nên làm thế nào để những chi phí ấy được hợp lý, hợp lệ.

Xin chân thành cảm ơn!

Trả lời:

Chi cục Thuế khu vực Từ Sơn – Yên Phong trả lời như sau:

Tại điều 4 thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 của BTC sửa đổi, bổ sung Điều 6 thông tư số 78/2014/TT-BTC hướng dẫn về thuế TNDN quy định như sau:

“Điều 6: các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định TNCT

Trừ các khoản chi không được trừ nêu tại Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;*
- b) Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.*
- c) Khoản chi nếu có hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt”*

Căn cứ Điều 18 thông tư 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài Chính quy định:

“1. Bán hàng hóa, dịch vụ có tổng giá thanh toán dưới 200.000 đồng mỗi lần thì không phải lập hóa đơn, trừ trường hợp người mua yêu cầu lập và giao hóa đơn.

2. Khi bán hàng hóa, dịch vụ không phải lập hóa đơn hướng dẫn tại khoản 1 Điều này, người bán phải lập Bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ. Bảng kê phải có tên, mã số thuế và địa chỉ của người bán, tên hàng hóa, dịch vụ, giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra, ngày lập, tên và chữ ký người lập Bảng kê. Trường hợp người bán nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thì Bảng kê bán lẻ phải có tiêu thức “thuế suất giá trị gia tăng” và “tiền thuế giá trị gia tăng”. Hàng hóa, dịch vụ bán ra ghi trên Bảng kê theo thứ tự bán hàng trong ngày (mẫu số 5.6 Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này).

3. Cuối mỗi ngày, cơ sở kinh doanh lập một hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn bán hàng ghi số tiền bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ trong ngày thể hiện trên dòng tổng cộng của bảng kê, ký tên và giữ liên giao cho người mua, các liên khác luân chuyển theo quy định. Tiêu thức “Tên, địa chỉ người mua” trên hóa đơn này ghi là “bán lẻ không giao hóa đơn”.

Căn cứ quy định nêu trên, khi mua hàng hóa có giá trị thanh toán dưới 200.000 đồng doanh nghiệp phải yêu cầu người bán xuất và giao hóa đơn để doanh nghiệp làm căn cứ hạch toán tính vào chi chỉ được trừ khi tính thuế TNDN.

Trân trọng cảm ơn!

Tên người hỏi: Ngô Thị Quyên, Tên doanh nghiệp/tổ chức: Công ty CP Năng lượng xanh

Hanapa, Email: ngoninh.bn2021@gmail.com, Mst: 2300845812

Mr Wick Kiểm toán – Đào tạo tư duy toàn diện Kế toán, BCTC & rà soát rủi ro CIT

Page: Mr Wick Kiểm toán

Group: Diễn đàn Thuế TNCN chuyên sâu

Website: taichinhketoanedu.com

Zalo/Mobile: 0936709396

Công ty chúng tôi đi thu mua mùng cửa thì người trực tiếp bán có được phép vượt mức 100.000.000đ/năm hay không?

Trả lời:

Chi cục Thuế khu vực Từ Sơn – Yên Phong trả lời như sau:

Công ty mua mùng cửa của các cá nhân trong năm trên 100 triệu đồng, thì cá nhân phải thực hiện đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế, kê khai nộp thuế theo hướng dẫn tại Thông tư 40/2021/TT-BTC ngày 01/6/2021 của Bộ Tài chính, thực hiện thủ tục mua, cấp hóa đơn với cơ quan quản lý thuế trực tiếp theo hướng dẫn tại Thông tư 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính để xuất trả cho Công ty làm căn cứ tính chi phí được trừ. Nếu giá trị thanh toán từ 20 triệu đồng trở lên thì Công ty phải thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt.

Trân trọng cảm ơn!

Tên người hỏi: Nguyễn Thị Trang, Tên doanh nghiệp/tổ chức: Công ty TNHH Y Quang Việt, Email: nguyentrangkt1702@gmail.com, Mst: 2300944651

Trong năm 2021, doanh nghiệp có khoản chi tài trợ sản xuất chương trình đài phát thanh và truyền hình tỉnh Bắc Ninh, chuyên mục “ BTV kết nối phòng chống Covid 19” số tiền 10.000.000 đồng thông qua hợp đồng ký với Đài phát thanh và được phát một lần phóng sự tự giới thiệu về hoạt động của công ty, Đài phát thanh xuất hóa đơn cho Công ty tôi và Công ty tôi có phiếu chi tiền. Xin hỏi, khoản chi trên có là khoản chi phí hợp lệ để tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm tài chính 2021?

Trả lời:

Chi cục Thuế khu vực Từ Sơn – Yên Phong trả lời như sau:

Theo điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014: Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế:

“1. Trừ các khoản chi không được trừ nêu tại Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;*
- b) Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.*
- c) Khoản chi nếu có hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.”*

Căn cứ quy định nêu trên khoản chi phí tài trợ sản xuất chương trình cho Đài phát thanh và truyền hình tỉnh Bắc Ninh, chuyên mục “BTV kết nối phòng chống Covid 19” phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và có đầy đủ hóa đơn chứng từ theo quy định thì được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

Trân trọng cảm ơn!

Tên người hỏi: Phan Thị Ngân, Tên doanh nghiệp/tổ chức: Công ty TNHH nội thất cao cấp 3S, Email: Nganpt03091985@gmail.com, Mst: 2301127934

Muốn đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử lần đầu thì cần những giấy tờ, thủ tục gì ?

Trả lời:

Chi cục thuế khu vực Từ Sơn – Yên Phong trả lời như sau:

Căn cứ Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính thì được sử dụng hóa đơn điện tử:

“2. Điều kiện của tổ chức khởi tạo hóa đơn

Người bán hàng hóa, dịch vụ (sau gọi chung là người bán) khởi tạo hóa đơn điện tử phải đáp ứng điều kiện sau:

a) Là tổ chức kinh tế có đủ điều kiện và đang thực hiện giao dịch điện tử trong khai thuế với cơ quan thuế; hoặc là tổ chức kinh tế có sử dụng giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng.

b) Có địa điểm, các đường truyền tải thông tin, mạng thông tin, thiết bị truyền tin đáp ứng yêu cầu khai thác, kiểm soát, xử lý, sử dụng, bảo quản và lưu trữ hoá đơn điện tử;

c) Có đội ngũ người thực thi đủ trình độ, khả năng tương xứng với yêu cầu để thực hiện việc khởi tạo, lập, sử dụng hoá đơn điện tử theo quy định;

d) Có chữ ký điện tử theo quy định của pháp luật.

đ) Có phần mềm bán hàng hoá, dịch vụ kết nối với phần mềm kế toán, đảm bảo dữ liệu của hoá đơn điện tử bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ được tự động chuyển vào phần mềm (hoặc cơ sở dữ liệu) kế toán tại thời điểm lập hoá đơn.

e) Có các quy trình sao lưu dữ liệu, khôi phục dữ liệu, lưu trữ dữ liệu đáp ứng các yêu cầu tối thiểu về chất lượng lưu trữ bao gồm:

- Hệ thống lưu trữ dữ liệu phải đáp ứng hoặc được chứng minh là tương thích với các chuẩn mực về hệ thống lưu trữ dữ liệu;

- Có quy trình sao lưu và phục hồi dữ liệu khi hệ thống gặp sự cố: đảm bảo sao lưu dữ liệu của hóa đơn điện tử ra các vật mang tin hoặc sao lưu trực tuyến toàn bộ dữ liệu. “

Căn cứ Khoản 1, Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính thì được sử dụng hóa đơn điện tử:

“...

Tổ chức khởi tạo hóa đơn điện tử trước khi khởi tạo hoá đơn điện tử phải ra quyết định áp dụng hoá đơn điện tử gửi cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp bằng văn bản giấy hoặc bằng văn bản điện tử gửi thông qua cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế và chịu trách nhiệm về quyết định này (theo Mẫu số 1 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này).

Quyết định áp dụng hoá đơn điện tử gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Tên hệ thống thiết bị (tên các phương tiện điện tử), tên phần mềm ứng dụng dùng để khởi tạo, lập hoá đơn điện tử.

Phương tiện điện tử là phương tiện hoạt động dựa trên công nghệ điện, điện tử, kỹ thuật số, từ tính, truyền dẫn không dây, quang học, điện từ hoặc công nghệ tương tự.

- Bộ phận kỹ thuật hoặc tên nhà cung ứng dịch vụ chịu trách nhiệm về mặt kỹ thuật hoá đơn điện tử, phần mềm ứng dụng;

- Quy trình khởi tạo, lập, luân chuyển và lưu trữ dữ liệu hoá đơn điện tử trong nội bộ tổ chức.

- Trách nhiệm của từng bộ phận trực thuộc liên quan việc khởi tạo, lập, xử lý, luân chuyển và lưu trữ dữ liệu hoá đơn điện tử trong nội bộ tổ chức bao gồm cả trách nhiệm của người được thực hiện chuyển đổi hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy.

2. Phát hành hóa đơn điện tử

Trước khi sử dụng hóa đơn điện tử, tổ chức khởi tạo hóa đơn điện tử phải lập Thông báo phát hành hóa đơn điện tử gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp. Thông báo phát hành hóa đơn điện tử (theo Mẫu số 2 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) gồm các nội dung: tên đơn vị phát hành hoá đơn điện tử, mã số thuế, địa chỉ, điện thoại, các loại hoá đơn phát hành (tên loại

hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn, ngày bắt đầu sử dụng, số lượng hóa đơn thông báo phát hành (từ số... đến số...)), ngày lập Thông báo phát hành; tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của đơn vị (trường hợp gửi Thông báo phát hành tới cơ quan thuế bằng giấy); hoặc chữ ký điện tử của tổ chức phát hành (trường hợp gửi đến cơ quan thuế bằng đường điện tử thông qua cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế).

Trường hợp có sự thay đổi địa chỉ kinh doanh, tổ chức khởi tạo hóa đơn điện tử phải gửi thông báo phát hành hoá đơn cho cơ quan thuế nơi chuyển đến, trong đó nêu rõ số hoá đơn đã phát hành chưa sử dụng, sẽ tiếp tục sử dụng.

Trường hợp có sự thay đổi về nội dung đã thông báo phát hành, tổ chức, khởi tạo hóa đơn điện tử thực hiện thông báo phát hành mới theo hướng dẫn tại khoản này.

Tổ chức khởi tạo hóa đơn điện tử phải ký số vào hóa đơn điện tử mẫu và gửi hóa đơn điện tử mẫu (theo đúng định dạng gửi cho người mua) đến cơ quan thuế theo đường điện tử.

Thông báo phát hành hóa đơn điện tử (không bao gồm hóa đơn điện tử mẫu) phải niêm yết tại trụ sở tổ chức khởi tạo hóa đơn điện tử hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của tổ chức khởi tạo hóa đơn điện tử trong thời gian sử dụng hóa đơn điện tử. “

Căn cứ các quy định trên, Công ty đáp ứng các điều kiện của tổ chức khởi tạo hóa đơn điện tử theo quy định tại Khoản 2 Điều 4, Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính thì được sử dụng hóa đơn điện tử. Trước khi sử dụng đề nghị Công ty thực hiện Thông báo phát hành hóa đơn điện tử theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 32/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính./.

Trân trọng cảm ơn!

Tên người hỏi: Ngô Thị Quỳnh Nga, Tên doanh nghiệp/tổ chức: Công ty TNHH SX và TM thép Thành Nga, Email: thanhngasteel@gmail.com, Mst: 2300946747

Trong năm 2021, cá nhân là người lao động của công ty, có ký hợp đồng trực tiếp với 1 công ty bảo hiểm để làm tư vấn viên (Thu nhập nhận được đã khấu trừ thuế TNCN 5%), có ký hợp đồng cộng tác viên với công ty kinh doanh đa cấp (Nhận hoa hồng theo doanh số và chưa khấu trừ tại nguồn). Xin hỏi, kết thúc năm tài chính 2021, cá nhân này cần thực hiện quyết toán thuế TNCN như thế nào?

Trả lời:

Chi cục thuế khu vực Từ Sơn – Yên Phong trả lời như sau:

Căn cứ điểm d, khoản 6, điều 8, nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020; công văn 801/TCT-TNCN của Tổng cục thuế hướng dẫn quyết toán thuế TNCN năm 2015 và cấp mã số thuế người phụ thuộc ngày 02/3/2016 quy định:

“Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một đơn vị, đồng thời có thu nhập vãng lai chưa khấu trừ thuế (bao gồm trường hợp chưa đến mức khấu trừ và đã đến mức khấu trừ nhưng không khấu trừ) thì cá nhân không ủy quyền quyết toán thuế.”

Căn cứ quy định nêu trên, cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công (ký HĐLĐ $\geq$ 3 tháng) tại Công ty TNHH sản xuất và thương mại thép Thành Nga, có thu nhập từ làm tư vấn viên bảo hiểm đã khấu trừ thuế 5% và hoa hồng nhận được từ kinh doanh đa cấp chưa khấu trừ thuế TNCN sẽ không được ủy quyền quyết toán cho Công ty TNHH sản xuất và thương mại thép Thành Nga mà phải trực tiếp quyết toán với cơ quan thuế quản lý Công ty TNHH sản xuất và thương mại thép Thành Nga (vì tại thời điểm quyết toán cá nhân này vẫn đang làm việc tại Công ty trên).

Trân trọng cảm ơn!

Tên người hỏi: Nguyễn Thị Vân, Tên doanh nghiệp/tổ chức: Công ty TNHH Xử Lý Môi Trường Sao Sáng Bắc Ninh, Email: xulymoitruongsaosang@gmail.com, Mst: 2300670584

Khoản ủng hộ quỹ phòng chống covid và chi phí xét nghiệm cho người lao động có được tính vào chi phí được trừ hay không?

Trả lời:

Chi cục Thuế khu vực Từ Sơn – Yên Phong trả lời như sau:

Theo quy định tại Điều 2, Nghị định 44/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ quy định:

“1. Doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ bằng tiền, hiện vật cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19 tại Việt Nam thông qua các đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ bao gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp; cơ sở y tế; đơn vị lực lượng vũ trang; đơn vị, tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ làm cơ sở cách ly tập trung; cơ sở giáo dục; cơ quan báo chí; các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; tổ chức đảng, đoàn thanh niên, công đoàn các cấp ở trung ương và địa phương; cơ quan, đơn vị chính quyền địa phương các cấp có chức năng huy động tài trợ; Quỹ phòng, chống dịch Covid-19 các cấp; Cổng thông tin điện tử nhân đạo quốc gia; quỹ từ thiện, nhân đạo và tổ chức có chức năng huy động tài trợ được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật.

Các đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ có trách nhiệm sử dụng, phân phối đúng mục đích của khoản ủng hộ, tài trợ cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19 đã tiếp nhận.

3. Hồ sơ xác định khoản chi ủng hộ, tài trợ gồm có: Biên bản xác nhận ủng hộ, tài trợ theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định này hoặc văn bản, tài liệu (hình thức giấy hoặc điện tử) xác nhận khoản chi ủng hộ, tài trợ có chữ ký, đóng dấu của người đại diện doanh nghiệp là bên ủng hộ, tài trợ và đại diện của đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ; kèm theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật của khoản ủng hộ, tài trợ bằng tiền hoặc hiện vật.”

Căn cứ quy định trên, trường hợp doanh nghiệp chi ủng hộ quỹ phòng chống Covid phải đáp ứng các điều kiện nêu trên thì được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tại điều 4 thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 của BTC sửa đổi, bổ sung Điều 6 thông tư số 78/2014/TT-BTC hướng dẫn về thuế TNDN quy định như sau:

“Trừ các khoản chi không được trừ nêu tại Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;

b) Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

c) Khoản chi nếu có hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt

...”

Căn cứ các quy định và hướng dẫn trên, khoản chi phí ủng hộ, tài trợ cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19 tại Việt Nam theo đúng đối tượng và chi phí xét nghiệm Covid cho người lao động có đầy đủ hóa đơn chứng từ, thanh toán theo hướng dẫn nêu trên thì Công ty được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN.

Mr Wick Kiểm toán – Đào tạo tư duy toàn diện Kế toán, BCTC & rà soát rủi ro CIT

Page: Mr Wick Kiểm toán

Group: Diễn đàn Thuế TNCN chuyên sâu

Website: taichinhketoan.edu.com

Zalo/Mobile: 0936709396

Trân trọng cảm ơn!

Tên người hỏi: Nguyễn Hiệp, Tên doanh nghiệp/tổ chức: Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu công nghệ cao Việt Nam, Email: phamthanhnga25280@gmail.com, Mst: 2301035842

Công ty có bán hàng cho một công ty nước ngoài tại Đan Mạch. Nhưng khách hàng lại yêu cầu giao hàng tại Việt Nam cho một công ty nước ngoài khác đang làm dự án điện gió tại Việt Nam, có đặt trụ sở tại Việt Nam. Xin hỏi, trường hợp này có được coi là xuất khẩu tại chỗ? Và đơn vị cần xuất hóa đơn với thuế suất GTGT như thế nào?

Trả lời:

Chi cục thuế KV Từ Sơn – Yên Phong trả lời như sau:

Theo khoản 1 Điều 9 Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 quy định :

“1. Thuế suất 0%: áp dụng đối với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu; hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài và ở trong khu phi thuế quan; vận tải quốc tế; hàng hoá, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu, trừ các trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0% hướng dẫn tại khoản 3 Điều này.

.....

- Các trường hợp được coi là xuất khẩu theo quy định của pháp luật:

+ Hàng hoá gia công chuyển tiếp theo quy định của pháp luật thương mại về hoạt động mua, bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công hàng hoá với nước ngoài.

+ Hàng hoá xuất khẩu tại chỗ theo quy định của pháp luật.

+ Hàng hóa xuất khẩu để bán tại hội chợ, triển lãm ở nước ngoài.

Khoản 2, Điều 17 Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 quy định Điều kiện khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào đối với một số trường hợp hàng hoá được coi như xuất khẩu:

2. Hàng hoá xuất khẩu tại chỗ theo quy định của pháp luật:

a) Hợp đồng mua bán hàng hoá hoặc hợp đồng gia công có chỉ định giao hàng tại Việt Nam;

b) Tờ khai hải quan hàng hoá xuất khẩu - nhập khẩu tại chỗ đã làm xong thủ tục hải quan;

c) Hoá đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn xuất khẩu ghi rõ tên người mua phía nước ngoài, tên doanh nghiệp nhận hàng và địa điểm giao hàng tại Việt Nam;

d) Hàng hóa bán cho thương nhân nước ngoài nhưng giao hàng tại Việt Nam phải thanh toán qua ngân hàng bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi. Chứng từ thanh toán qua ngân hàng theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 16 Thông tư này. Trường hợp người nhập khẩu tại chỗ được phía nước ngoài uỷ quyền thanh toán cho người xuất khẩu tại chỗ thì đồng tiền thanh toán thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

đ) Hàng hóa xuất khẩu tại chỗ của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải phù hợp với quy định tại giấy phép đầu tư.”

Nếu doanh nghiệp đáp ứng đầy đủ những quy định nêu trên thì được coi là xuất khẩu tại chỗ.

Trân trọng cảm ơn!

Tên người hỏi: Chu Thị Hoa Lý, Tên doanh nghiệp/tổ chức: Công ty TNHH Thảo Ngọc Hà Nội, Email: hoaly18081987@gmail.com, Mst: 0108074938

Công ty em là doanh nghiệp sản xuất. Công nhân tăng ca quá nhiều, một ngày tầm 3 giờ. một tháng 78 giờ, vậy một năm trung bình tầm 700 giờ. Vậy cho em hỏi số tiếng lớn hơn 300 giờ (tầm 400 giờ) có được tính vào chi phí hợp lý của doanh nghiệp không? Và căn cứ pháp lý nào ạ?

Trả lời:

Chi cục Thuế khu vực Từ Sơn - Yên Phong trả lời như sau:

Tại Điều 107 Bộ Luật lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019 quy định về làm thêm giờ như sau:

“Điều 107. Làm thêm giờ

1. Thời gian làm thêm giờ là khoảng thời gian làm việc ngoài thời giờ làm việc bình thường theo quy định của pháp luật, thỏa ước lao động tập thể hoặc nội quy lao động.

2. Người sử dụng lao động được sử dụng người lao động làm thêm giờ khi đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau đây:

a) Phải được sự đồng ý của người lao động;

b) Bảo đảm số giờ làm thêm của người lao động không quá 50% số giờ làm việc bình thường trong 01 ngày; trường hợp áp dụng quy định thời giờ làm việc bình thường theo tuần thì tổng số giờ làm việc bình thường và số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong 01 ngày; không quá 40 giờ trong 01 tháng;

c) Bảo đảm số giờ làm thêm của người lao động không quá 200 giờ trong 01 năm, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Người sử dụng lao động được sử dụng người lao động làm thêm không quá 300 giờ trong 01 năm trong một số ngành, nghề, công việc hoặc trường hợp sau đây:

a) Sản xuất, gia công xuất khẩu sản phẩm hàng dệt, may, da, giày, điện, điện tử, chế biến nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản;

b) Sản xuất, cung cấp điện, viễn thông, lọc dầu; cấp, thoát nước;

c) Trường hợp giải quyết công việc đòi hỏi lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao mà thị trường lao động không cung ứng đầy đủ, kịp thời;

d) Trường hợp phải giải quyết công việc cấp bách, không thể trì hoãn do tính chất thời vụ, thời điểm của nguyên liệu, sản phẩm hoặc để giải quyết công việc phát sinh do yếu tố khách quan không dự liệu trước, do hậu quả thời tiết, thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa, thiếu điện, thiếu nguyên liệu, sự cố kỹ thuật của dây chuyền sản xuất;

đ) Trường hợp khác do Chính phủ quy định.

4. Khi tổ chức làm thêm giờ theo quy định tại khoản 3 Điều này, người sử dụng lao động phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Tại Điều 61, Điều 62 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 quy định:

“Điều 61. Các trường hợp được tổ chức làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong một năm

Ngoài các trường hợp quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 3 Điều 107 của Bộ luật Lao động, các trường hợp sau đây được tổ chức làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong năm:

1. Các trường hợp phải giải quyết công việc cấp bách, không thể trì hoãn phát sinh từ các yếu tố khách quan liên quan trực tiếp đến hoạt động công vụ trong các cơ quan, đơn vị nhà nước, trừ các trường hợp quy định tại Điều 108 của Bộ luật Lao động.

2. Cung ứng dịch vụ công; dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh; dịch vụ giáo dục, giáo dục nghề nghiệp.

3. Công việc trực tiếp sản xuất, kinh doanh tại các doanh nghiệp thực hiện thời giờ làm việc bình thường không quá 44 giờ trong một tuần.

Điều 62. Thông báo về việc tổ chức làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong một năm

1. Khi tổ chức làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong một năm, người sử dụng lao động phải thông báo cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại các nơi sau:

a) Nơi người sử dụng lao động tổ chức làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong một năm;

b) Nơi đặt trụ sở chính, nếu trụ sở chính đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác với nơi người sử dụng lao động tổ chức làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong một năm.

2. Việc thông báo phải được thực hiện chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày thực hiện làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong một năm”.

Tại Khoản 1, điểm 2.6 khoản 2 Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi tại Điều 4, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015) hướng dẫn chi phí được trừ, không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế:

“1. Trừ các khoản chi không được trừ nêu tại Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

....

2. Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế bao gồm:

...

2.6. Chi tiền lương, tiền công, tiền thưởng cho người lao động thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Chi tiền lương, tiền công và các khoản phải trả khác cho người lao động doanh nghiệp đã hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế không chi trả hoặc không có chứng từ thanh toán theo quy định của pháp luật.

b) Các khoản tiền lương, tiền thưởng, chi mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động không được ghi cụ thể điều kiện được hưởng và mức được hưởng tại một trong các hồ sơ sau: Hợp đồng lao động; Thỏa ước lao động tập thể; Quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty, Tập đoàn; Quy chế thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc quy định theo quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty.

...”

Căn cứ quy định trên, trường hợp Công ty do tính chất công việc phải làm thêm giờ vượt quá số giờ làm thêm theo mức quy định của Bộ Luật lao động, nếu Công ty thỏa thuận và được sự đồng ý của người lao động, Công ty phải thông báo bằng văn bản và được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý lao động và việc làm khi tổ chức làm thêm giờ như trên thì khoản tiền làm thêm giờ vượt quá số giờ làm thêm theo quy định mà doanh nghiệp thực chi trả

Mr Wick Kiểm toán – Đào tạo tư duy toàn diện Kế toán, BCTC & rà soát rủi ro CIT

Page: Mr Wick Kiểm toán

Group: Diễn đàn Thuế TNCN chuyên sâu

Website: taichinhketoan.edu.com

Zalo/Mobile: 0936709396

cho người lao động, có đầy đủ chứng từ hợp pháp theo quy định tại các văn bản về thuế thu nhập doanh nghiệp thì được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Trân trọng cảm ơn!

Tên người hỏi: Nguyễn Thị Huệ, Tên doanh nghiệp/tổ chức: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH AN PHÁT, Email: thanhanuyvubacninh@gmail.com, Mst: 2301133550

Sau khi nhận bàn giao chứng từ kế toán (bản gốc) năm 2020 của kế toán cũ. Tôi đã cất đi, mấy tháng nay tôi tìm lại hồ sơ nhưng không thấy chứng từ gốc năm 2020 đâu. Vậy trường hợp này công ty tôi phải làm như thế nào?

Trả lời:

Chi cục Thuế khu vực Từ Sơn- Yên Phong trả lời như sau:

Căn cứ theo Điều 42 Luật kế toán số 88/2015/QH13 năm 2015 ngày 20 tháng 11 năm 2015 quy định:

Điều 42. Trách nhiệm của đơn vị kế toán trong trường hợp tài liệu kế toán bị mất hoặc bị hủy hoại

Khi phát hiện tài liệu kế toán bị mất hoặc bị hủy hoại, đơn vị kế toán phải thực hiện ngay các công việc sau đây:

Kiểm tra, xác định và lập biên bản về số lượng, hiện trạng, nguyên nhân tài liệu kế toán bị mất hoặc bị hủy hoại; thông báo cho tổ chức, cá nhân có liên quan và cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

Tổ chức phục hồi lại tài liệu kế toán bị hư hỏng;

Liên hệ với tổ chức, cá nhân có giao dịch tài liệu, số liệu kế toán để được sao chụp hoặc xác nhận lại tài liệu kế toán bị mất hoặc bị hủy hoại;

Đối với tài liệu kế toán có liên quan đến tài sản nhưng không thể phục hồi bằng các biện pháp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này thì phải kiểm kê tài sản để lập lại tài liệu kế toán bị mất hoặc bị hủy hoại.”

Căn cứ theo Điều 24, Thông tư 39/2014/TT-BTC quy định:

Điều 24. Xử lý trong trường hợp mất, cháy, hỏng hóa đơn

Tổ chức, hộ, cá nhân kinh doanh nếu phát hiện mất, cháy, hỏng hóa đơn đã lập hoặc chưa lập phải lập báo cáo về việc mất, cháy, hỏng và thông báo với cơ quan thuế quản lý trực tiếp (mẫu số 3.8 Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này) chậm nhất không quá năm (05) ngày kể từ ngày xảy ra việc mất, cháy, hỏng hóa đơn. Trường hợp ngày cuối cùng (ngày thứ 05) trùng với ngày nghỉ theo quy định của pháp luật thì ngày cuối cùng của thời hạn được tính là ngày tiếp theo của ngày nghỉ đó.

Trường hợp khi bán hàng hóa, dịch vụ người bán đã lập hóa đơn theo đúng quy định nhưng sau đó người bán hoặc người mua làm mất, cháy, hỏng liên 2 hóa đơn bản gốc đã lập thì người bán và người mua lập biên bản ghi nhận sự việc, trong biên bản ghi rõ liên 1 của hóa đơn người bán hàng khai, nộp thuế trong tháng nào, ký và ghi rõ họ tên của người đại diện theo pháp luật (hoặc người được ủy quyền), đóng dấu (nếu có) trên biên bản và người bán sao chụp liên 1 của hóa đơn,

Link đăng ký: <http://taichinhketoan.edu.com/khoa-hoc-tu-duy-ktth-bctc-chuyen-sau-p31.html>

Mr Wick Kiểm toán – Đào tạo tư duy toàn diện Kế toán, BCTC & rà soát rủi ro CIT

Page: Mr Wick Kiểm toán

Group: Diễn đàn Thuế TNCN chuyên sâu

Website: taichinhketoan.edu.com

Zalo/Mobile: 0936709396

ký xác nhận của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu trên bản sao hóa đơn để giao cho người mua. Người mua được sử dụng hóa đơn bản sao có ký xác nhận, đóng dấu (nếu có) của người bán kèm theo biên bản về việc mất, cháy, hỏng liên 2 hóa đơn để làm chứng từ kế toán và kê khai thuế. Người bán và người mua phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc mất, cháy, hỏng hóa đơn.

Căn cứ vào các quy định trên, khi làm mất chứng từ kế toán, công ty cần thực hiện các công việc sau:

Lập biên bản về việc mất tài liệu (Theo mẫu PL01 ban hành kèm theo thông tư 96/2010/TT-BTC.)

In lại và xin lại các chứng từ đã mất (nếu có thể: Phiếu thu, chi; Chứng từ ngân hàng...)

Đối với các chứng từ không thể xin lại: cần sao chụp lại các chứng từ đó và in ra kẹp cùng chứng từ kế toán khác.

Đối với các chứng từ đã mất liên quan tới việc hình thành tài sản: cần lập biên bản kiểm kê tài sản để lập lại chứng từ đã bị mất.

Lập biên bản mất hóa đơn kèm theo báo cáo mất, cháy, hỏng hóa đơn đã lập (mẫu số 3.8 Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư 39/2014/TT-BTC hay BC21/AC có thể nộp qua mạng).

Thông báo với cơ quan thuế quản lý trực tiếp (mẫu số 3.8 Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này) chậm nhất không quá năm (05) ngày kể từ ngày xảy ra việc mất, cháy, hỏng hóa đơn. Trường hợp ngày cuối cùng (ngày thứ 05) trùng với ngày nghỉ theo quy định của pháp luật thì ngày cuối cùng của thời hạn được tính là ngày tiếp theo của ngày nghỉ đó.

Về xử phạt: Việc mất sổ sách kế toán thực hiện theo quy định của Luật kế toán; việc mất hóa đơn chứng từ theo quy định của Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

Trân trọng cảm ơn!

Tên người hỏi: Nguyễn Hiệp, Tên doanh nghiệp/tổ chức: Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu công nghệ cao Việt Nam, Email: phamthanhnga25280@gmail.com, Mst: 2301035842

Câu 1: Công ty nhận ủy thác nhập khẩu hàng hóa cho khách hàng. + Theo thỏa thuận thì khách hàng sẽ thanh toán trực tiếp cho bên xuất khẩu hàng hóa và hàng hóa nhập về được chỉ định giao thẳng đến địa điểm do khách hàng chỉ định. + Công ty Hitech Vina nộp tờ khai hải quan, trên tờ khai hải quan đồng thời hiển thị tên khách hàng và tên công ty Hitech Vina. Công ty Hitech Vina nhận được thông báo của Hải Quan yêu cầu nộp thuế GTGT nhập khẩu, thuế nhập khẩu, thuế BVMT và công ty Hitech đã nộp đủ tiền thuế theo thông báo của Hải Quan. Xin hỏi: Cách viết hóa đơn xuất trả hàng ủy thác, thuế GTGT nhập khẩu, thuế nhập khẩu, thuế BVMT cho bên ủy thác và kê khai thuế như thế nào?

Trả lời:

Chi cục thuế KV Từ Sơn – Yên Phong trả lời như sau:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TTBTC ngày 10/01/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011, Thông tư số 39/2014/TT-BTC

ngày 31/3/2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế như sau:

“3. Sửa đổi, bổ sung điểm a, d, đ và e khoản 8 Điều 11 Thông tư số 156/2013/TT-BTC như sau:

...b) Sửa đổi điểm a, đ, e khoản 8 Điều 11 như sau:

...đ) Khai thuế đối với người nộp thuế có hoạt động xuất, nhập khẩu ủy thác hàng hóa:

Người nộp thuế nhận xuất, nhập khẩu ủy thác hàng hóa không phải khai thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa nhận xuất, nhập khẩu ủy thác (trong trường hợp hợp đồng ủy thác không có nội dung ủy thác về thực hiện nghĩa vụ thuế GTGT thay cho đối tượng ủy thác) nhưng phải khai thuế giá trị gia tăng đối với thù lao ủy thác được hưởng.... ”

- Căn cứ Điểm 2.2 Phụ lục 4 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về lập hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ đối với một số trường hợp như sau:

“2. Trong một số trường hợp việc sử dụng và ghi hóa đơn, chứng từ được thực hiện cụ thể như sau:

2.2. Tổ chức xuất nhập khẩu nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế nhận nhập khẩu hàng hóa ủy thác cho các cơ sở khác, khi trả hàng cơ sở nhận ủy thác lập chứng từ như sau:

Cơ sở nhận nhập khẩu ủy thác khi xuất trả hàng nhập khẩu ủy thác, nếu đã nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu, cơ sở lập hóa đơn GTGT để cơ sở đi ủy thác nhập khẩu làm căn cứ kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với hàng hóa ủy thác nhập khẩu. Trường hợp cơ sở nhận nhập khẩu ủy thác chưa nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu, khi xuất trả hàng nhập khẩu ủy thác, cơ sở lập phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ kèm theo lệnh điều động nội bộ theo quy định làm chứng từ lưu thông hàng hóa trên thị trường. Sau khi đã nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu cho hàng hóa nhập khẩu ủy thác, cơ sở mới lập hóa đơn theo quy định trên.

Hóa đơn GTGT xuất trả hàng nhập khẩu ủy thác ghi:

(a) Giá bán chưa có thuế GTGT bao gồm: giá trị hàng hóa thực tế nhập khẩu theo giá CIF, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt và các khoản phải nộp theo chế độ quy định ở khâu nhập khẩu (nếu có).

(b) Thuế suất thuế GTGT và tiền thuế GTGT ghi theo số thuế đã nộp ở khâu nhập khẩu.

(c) Tổng cộng tiền thanh toán (= a + b)

Cơ sở nhận nhập khẩu ủy thác lập hóa đơn GTGT riêng để thanh toán tiền hoa hồng ủy thác nhập khẩu... ”

Căn cứ các quy định trên:

Công ty Hitech Vina phải xuất hóa đơn cho đơn vị ủy thác nhập khẩu. Việc lập hóa đơn xuất trả hàng cho đơn vị ủy thác nhập khẩu phải thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Điểm 2.2 Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính nêu trên.

Trân trọng cảm ơn!

Tên người hỏi: Ngô Thị Lượng, Tên doanh nghiệp/tổ chức: Công ty TNHH TM và DV

Sunwon, Email: ngoluong.ty@gmail.com, Mst: 2300776037

Đơn vị mua 10 cái máy bán hàng tự động. Mất 100.000.000 đ tiền hàng và 10.000.000 tiền thuế và đơn vị đã thanh toán 100.000.000 bằng chuyển khoản qua ngân hàng và đơn vị đã đặt cọc tiền

mặt 10.000.000 đồng. Trong tháng đơn vị đã bán hết số máy trên vậy đơn vị chúng tôi hạch toán giá vốn là 100.000.000 hay là 90.000.000. Xác định chi phí được trừ là khoản chi phí nào.

Trả lời:

Chi cục thuế khu vực Từ Sơn – Yên Phong trả lời như sau:

Căn cứ theo khoản 10, điều 1 thông tư số 26/2015/TT-BTC sửa đổi, bổ sung điều 15 thông thư số 219/2013/TT-BTC có quy định về trường hợp hóa đơn đầu vào có giá trị trên 20 triệu đồng. Cụ thể: Doanh nghiệp chỉ được khấu trừ thuế GTGT đầu vào khi các hóa đơn có giá trị 20 triệu đồng trở lên có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

Theo điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014:

Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

“1. Trừ các khoản chi không được trừ nêu tại Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;*
- b) Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.*
- c) Khoản chi nếu có hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.”*

Căn cứ quy định nêu trên hóa đơn mua hàng của doanh nghiệp có giá trị 110 triệu đồng (giá trị tiền hàng là 100.0000.000 đồng, thuế GTGT đầu vào là 10.0000.000 đồng) doanh nghiệp đã thanh toán tiền hàng bằng chuyển khoản là 100.000.000 đồng, thanh toán bằng tiền mặt 10.000.000 đồng doanh nghiệp được hạch toán giá vốn là 90.909.090 đồng, kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào là 9.090.909 đồng (tương ứng với 100.000.000 đồng đã thanh toán chuyển khoản qua ngân hàng).

Trân trọng cảm ơn !

Tên người hỏi: Lê Thị Thanh Tâm, Tên doanh nghiệp/tổ chức: Công ty TNHH Sam Sinh Vina, Email: hoanganh14021983@gmail.com, Mst: 2300277119

Năm 2019 đơn vị thành lập có vốn pháp định là 30 Tỷ đồng và doanh nghiệp thuê đất trả 1 lần là 20 tỷ trong năm doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà máy mất 25 tỷ đồng và Tháng 05/2020 đơn vị đi vào hoạt động và phát sinh doanh thu. Trong quá trình đơn vị xây dựng nhà máy do vốn không đủ để xây dựng, Đơn vị chúng tôi đã vay ngân hàng 17 tỷ trung và dài hạn để phục vụ xây dựng nhà máy. Và phát sinh lãi vay là 250 tr. Cái số lãi vay mà đơn vị vay có được tính vào chi phí được trừ tính thuế TNDN không.

Trả lời:

Chi cục thuế khu vực Từ Sơn – Yên Phong có trả lời như sau:

Theo điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014: Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế bao gồm:

“ ...

2.31. Chi về đầu tư xây dựng cơ bản trong giai đoạn đầu tư để hình thành tài sản cố định.

Khi bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp chưa phát sinh doanh thu nhưng có phát sinh các khoản chi thường xuyên để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (không phải là các khoản chi đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định) mà các khoản

chi này đáp ứng các điều kiện theo quy định thì khoản chi này được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

Trường hợp trong giai đoạn đầu tư, doanh nghiệp có phát sinh khoản chi trả tiền vay thì khoản chi này được tính vào giá trị đầu tư. Trường hợp trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, doanh nghiệp phát sinh cả khoản chi trả lãi tiền vay và thu từ lãi tiền gửi thì được bù trừ giữa khoản chi trả lãi tiền vay và thu từ lãi tiền gửi, sau khi bù trừ phần chênh lệch còn lại ghi giảm giá trị đầu tư.”

Theo quy định nêu trên trường hợp doanh nghiệp vay vốn của ngân hàng để xây dựng nhà máy có phát sinh khoản chi trả tiền lãi vay trong giai đoạn đầu tư để hình thành tài sản cố định thì khoản vay này được tính vào giá trị tài sản, giá trị công trình đầu tư, không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN trong kỳ tính thuế

Trân trọng cảm ơn !

Tên người hỏi: Nguyễn Thị Vân, Tên doanh nghiệp/tổ chức: Công ty TNHH Xử Lý Môi Trường Sao Sáng Bắc Ninh, Email: xulymoitruongsaosang@gmail.com, Mst: 2300670584

Mẫu tờ khai thuế GTGT trước đây theo mẫu của thông tư 156 mà thông tư 156 hướng dẫn theo luật quản lý thuế số 78, mà luật quản lý thuế số 38 thay thế cho luật quản lý thuế số 78, có mẫu tờ khai theo luật quản lý thuế số 38 hay không?

Trả lời:

Chi cục Thuế khu vực Từ Sơn- Yên Phong trả lời như sau:

Trong khoảng thời gian từ 5/12/2020 đến 31/12/2021 NNT vẫn áp dụng mẫu biểu Thông tư 156/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ tài chính vẫn có hiệu lực.

Ngày 29/9/2021 của Bộ tài chính đã có Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý thuế, Thông tư này có hiệu lực từ ngày 1/1/2022.

Trân trọng cảm ơn!

Tên người hỏi: Nguyễn Thị Nam Hà, Tên doanh nghiệp/tổ chức: Công ty TNHH Môi trường Việt Tiến, Email: viettien@gmail.com, Mst: 2300945951

Theo quy định tại Nghị định số 218/2013/NĐ-CP thì các hóa đơn GTGT có số tiền từ 20 triệu trở lên phải chuyển khoản qua ngân hàng mới được khấu trừ thuế GTGT đầu vào và đưa vào chi phí để tính thuế TNDN. Vậy xin hỏi những hóa đơn mua hàng trên 20 triệu mà có thuế suất GTGT 0% đã thanh toán tiền mặt thì những hóa đơn này không khấu trừ thuế VAT đầu vào nhưng có được tính vào chi phí để tính thuế TNDN không?

Trả lời:

Chi cục Thuế khu vực Từ Sơn – Yên Phong trả lời như sau:

Theo điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 quy định:

“1. Trừ các khoản chi không được trừ nêu tại Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;

Mr Wick Kiểm toán – Đào tạo tư duy toàn diện Kế toán, BCTC & rà soát rủi ro CIT

Page: Mr Wick Kiểm toán

Group: Diễn đàn Thuế TNCN chuyên sâu

Website: taichinhketoan.edu.com

Zalo/Mobile: 0936709396

b) Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

c) Khoản chi nếu có hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt. Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng.”

Căn cứ quy định nêu trên, những hóa đơn mua hàng trên 20 triệu mà có thuế suất GTGT 0% đã thanh toán tiền mặt thì chi phí mua hàng không tính vào chi phí được trừ để tính thuế TNDN .

Trân trọng cảm ơn!

Tên người hỏi: Đặng Thị Khánh, Tên doanh nghiệp/tổ chức: Công ty TNHH Eunsung tech Việt Nam, Email: dangngockhanh2404@gmail.com, Mst: 2300932335

Kính gửi các anh chị, Cty em là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, hiện tại bên em đang thuê nhà xưởng của một cty A là cty của Việt Nam, thời hạn thuê 03 năm (Từ 3/2021 - 02/2023). Theo QĐ 27/2020/ QĐ/TTG ban hành ngày 25/09/2021 thì đơn vị em có được hưởng chính sách miễn giảm này không? hay chỉ thuê đất của Nhà Nước mới được áp dụng ạ? Em cảm ơn.

Trả lời:

Chi cục thuế khu vực Từ Sơn – Yên Phong trả lời như sau:

Căn cứ khoản 1, điều 2 Quyết định số 27/2020/QĐ/TTg của Chính Phủ ngày 25/9/2021 về việc giảm tiền thuê đất năm 2021 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 quy định:

“Điều 2: Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo quyết định hoặc hợp đồng của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức trả tiền thuê đất hằng năm (sau đây gọi là người thuê đất).

Quy định này áp dụng cho cả trường hợp người thuê đất không thuộc đối tượng miễn, giảm tiền thuê đất và trường hợp người thuê đất đang được giảm tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.”

Căn cứ quy định trên thì Công ty bạn thuê lại nhà xưởng của công ty A không thuộc đối tượng được miễn giảm tiền thuê đất theo Quyết định số 27/2020/QĐ/TTg ngày 25/9/2021.

Trân trọng cảm ơn!

Tên người hỏi: Dương Thị Hợp, Tên doanh nghiệp/tổ chức: Công Ty TNHH Hải Lộc, Email: hoamoclan.bacninh@gmail.com, Mst: 2300555165

1. Ngày 1/11/2021 thị xã Từ Sơn chính thức lên thành phố. Vậy khi nào (ngày nào) công ty có thể bắt đầu làm các thủ tục thay đổi giấy phép đkkd, con dấu và điều chỉnh thông tin trên hóa đơn (nếu còn sử dụng hóa đơn giấy cũ) và có hạn cuối cùng là khi nào phải xong không ạ. 2. Sau ngày 1/11/2021 nếu công ty chưa hoàn thiện xong thủ tục thay đổi thông tin trên giấy phép đăng ký kinh doanh thì có được phép sử dụng con dấu mới với thông tin đã điều chỉnh từ thị xã lên thành phố (cả dấu tròn và dấu địa chỉ đóng vào hóa đơn cũ) không ạ hay phải đợi thay đổi xong gpdkkd mới được dùng ạ. Và nếu như chưa triển khai thay đổi bất kỳ nội dung nào thì có được phép tiếp tục sử dụng thông tin cũ không ạ. Nếu được thì thời hạn là đến khi nào ạ. Em xin cảm ơn ạ! Trân trọng!

Trả lời:

Chi cục thuế khu vực Từ Sơn – Yên Phong trả lời như sau:

1. Nội dung về thay đổi thông tin đăng ký thuế:

Mr Wick Kiểm toán – Đào tạo tư duy toàn diện Kế toán, BCTC & rà soát rủi ro CIT

Page: Mr Wick Kiểm toán

Group: Diễn đàn Thuế TNCN chuyên sâu

Website: taichinhketoanedu.com

Zalo/Mobile: 0936709396

Căn cứ khoản 1 điều 36 Luật số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019

"...Người nộp thuế đăng ký thuế cùng với đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký kinh doanh khi có thay đổi thông tin đăng ký thuế thì thực hiện thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế cùng với việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Trường hợp người nộp thuế thay đổi địa chỉ trụ sở dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý, người nộp thuế phải thực hiện các thủ tục về thuế với cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo quy định của Luật này trước khi đăng ký thay đổi thông tin với cơ quan đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký kinh doanh"

Căn cứ vào quy định trên, đề nghị người nộp thuế liên hệ với Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bắc Ninh để thay đổi thông tin đăng ký thuế.

2. Nội dung về hóa đơn:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính quy định:

"...Đối với các số hóa đơn đã thực hiện thông báo phát hành nhưng chưa sử dụng hết có in sẵn tên, địa chỉ trên tờ hóa đơn, khi có sự thay đổi tên, địa chỉ nhưng không thay đổi mã số thuế và cơ quan thuế quản lý trực tiếp, nếu tổ chức kinh doanh vẫn có nhu cầu sử dụng hóa đơn đã đặt in thì thực hiện đóng dấu tên, địa chỉ mới vào bên cạnh tiêu thức tên, địa chỉ đã in sẵn để tiếp tục sử dụng và gửi thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp (mẫu số 3.13 Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này)..."

Căn cứ quy định trên:

- Trường hợp đơn vị vẫn có nhu cầu sử dụng tiếp các số hóa đơn đã phát hành nhưng chưa sử dụng hết thì thực hiện đóng dấu tên, địa chỉ mới vào bên cạnh tiêu thức tên, địa chỉ đã in sẵn để tiếp tục sử dụng và gửi thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn (mẫu TB04/AC) đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

- Trường hợp đơn vị không có nhu cầu sử dụng tiếp các số hóa đơn đã phát hành nhưng chưa sử dụng hết : thực hiện hủy các số hóa đơn chưa sử dụng và thông báo kết quả hủy hóa đơn theo mẫu TB03/AC gửi cơ quan thuế.

Trân trọng cảm ơn!

Tên người hỏi: Dương Ngọc Bảo Ngân, Tên doanh nghiệp/tổ chức: Công ty TNHH Kim

Loại Màu Minh Khánh, Email: thucvy050112@gmail.com, Mst: 2300898116

Doanh nghiệp có quan hệ mua bán hàng hóa và thực hiện thanh toán tiền hàng theo phương thức bù trừ công nợ thì có được khấu trừ thuế GTGT không?

Link đăng ký: <http://taichinhketoanedu.com/khoa-hoc-tu-duy-ktth-bctc-chuyen-sau-p31.html>

Trả lời:

Chi cục thuế Khu vực Từ Sơn – Yên Phong trả lời như sau:

Theo Khoản 10 Điều 1 Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài Chính sửa đổi bổ sung Điều 15 Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài Chính có nêu rõ quy định về điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào:

“1. Có hóa đơn giá trị gia tăng hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ mua vào hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng nhập khẩu hoặc chứng từ nộp thuế GTGT.....

2. Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào (bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu) từ hai mươi triệu đồng trở lên, trừ các trường hợp giá trị hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu từng lần có giá trị dưới hai mươi triệu đồng, hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần theo hóa đơn dưới hai mươi triệu đồng theo giá đã có thuế GTGT và trường hợp cơ sở kinh doanh nhập khẩu hàng hóa là quà biếu, quà tặng của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài.

*...
4. Các trường hợp thanh toán không dùng tiền mặt khác để khấu trừ thuế GTGT đầu vào gồm:*

*...
b) Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào theo phương thức bù trừ công nợ như vay, mượn tiền; cần trừ công nợ qua người thứ ba mà phương thức thanh toán này được quy định cụ thể trong hợp đồng thì phải có hợp đồng vay, mượn tiền dưới hình thức văn bản được lập trước đó và có chứng từ chuyển tiền từ tài khoản của bên cho vay sang tài khoản của bên đi vay đối với khoản vay bằng tiền bao gồm cả trường hợp bù trừ giữa giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào với khoản tiền mà người bán hỗ trợ cho người mua, hoặc nhờ người mua chi hộ
....”*

Như vậy Doanh nghiệp được kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với khoản tiền hàng được thanh toán theo phương thức bù trừ công nợ nếu đáp ứng đầy đủ các quy định nêu trên.

Trân trọng cảm ơn!

Tên người hỏi: Nguyễn Thị Thắng, Tên doanh nghiệp/tổ chức: Công ty Viễn Đông - TNHH, Email: Nguyetcat110@gmail.com, Mst: 2300245371

Trường hợp nào thì người nộp thuế không phải nộp hồ sơ khai thuế gtgt?

Trả lời:

Chi cục Thuế khu vực Từ Sơn- Yên Phong trả lời như sau:

Căn cứ tại khoản 3, Điều 7 Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính Phủ.

3. Người nộp thuế không phải nộp hồ sơ khai thuế trong các trường hợp sau đây:

a) Người nộp thuế chỉ có hoạt động, kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế theo quy định của pháp luật về thuế đối với từng loại thuế.

c) Doanh nghiệp chế xuất chỉ có hoạt động xuất khẩu thì không phải nộp hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng.

d) Người nộp thuế tạm ngừng hoạt động, kinh doanh theo quy định tại Điều 4 Nghị định này.

đ) Người nộp thuế nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế, trừ trường hợp chấm dứt hoạt động, chấm dứt hợp đồng, tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của khoản 4 Điều 44 Luật Quản lý thuế.

Công ty Viễn Đông - TNHH căn cứ vào các điều khoản trên để áp dụng theo đúng quy định.

Trân trọng cảm ơn.

Mr Wick Kiểm toán – Đào tạo tư duy toàn diện Kế toán, BCTC & rà soát rủi ro CIT
Page: Mr Wick Kiểm toán
Group: Diễn đàn Thuế TNCN chuyên sâu
Website: taichinhketoanedu.com
Zalo/Mobile: 0936709396

Tên người hỏi: Nguyễn Thị Dinh, Tên doanh nghiệp/tổ chức: Công ty TNHH 1TV THỦ ĐỨC, Email: dinh1988@gmail.com, Mst: 2301168842

Công ty cung ứng nguồn nhân lực chưa được cấp giấy phép hoạt động. Nhưng hoạt động tuyển lao động, cho thuê lao động vẫn diễn ra, có ký hợp đồng và xuất hóa đơn cho các đơn vị khác. Vậy hóa đơn mà công ty cung ứng nguồn nhân lực đó suất ra cho đơn vị chúng tôi có được chấp nhận không?

Trả lời:

Chi cục thuế KV Từ Sơn – Yên Phong trả lời như sau:

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 quy định:

“Điều 8. Nghĩa vụ của doanh nghiệp

1. Đáp ứng đủ điều kiện đầu tư kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.

...

Điều 16. Các hành vi bị nghiêm cấm

...

6. Kinh doanh các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh; kinh doanh ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài; kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật hoặc không bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh trong quá trình hoạt động.

...

Điều 206. Tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh

...

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh trong trường hợp sau đây:

a) Tạm ngừng hoặc chấm dứt kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài khi phát hiện doanh nghiệp không có đủ điều kiện tương ứng theo quy định của pháp luật;

...

Căn cứ quy định tại Nghị định số 29/2019/NĐ-CP ngày 20/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành khoản 3 điều 54 bộ luật lao động về việc cấp phép hoạt động cho thuê lại lao động, việc ký quỹ và danh mục công việc được thực hiện cho thuê lại lao động.

Trường hợp Công ty hoạt động trong lĩnh vực cung ứng nhân lực (cho thuê lại lao động) - là ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Nghị định số 29/2019/NĐ-CP ngày 20/3/2019 của Chính phủ. Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh cho thuê lại lao động khi được cấp phép theo quy định.

Trường hợp, Công ty chưa được cấp phép đối với hoạt động cho thuê lại lao động thì Công ty đã vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm và phải chấm dứt kinh doanh ngay việc cho thuê lại lao động. Đề nghị Công ty thu hồi các hóa đơn đã lập và thực hiện đăng ký đề nghị cấp giấy phép kinh doanh kinh doanh hoạt động cho thuê lại lao động theo quy định tại Nghị định số 29/2019/NĐ-CP ngày 20/3/2019 của Chính phủ và chỉ được kinh doanh cho thuê lại lao động khi được cấp giấy phép theo quy định.

Trân trọng cảm ơn!

Mr Wick Kiểm toán – Đào tạo tư duy toàn diện Kế toán, BCTC & rà soát rủi ro CIT

Page: Mr Wick Kiểm toán

Group: Diễn đàn Thuế TNCN chuyên sâu

Website: taichinhketoan.edu.com

Zalo/Mobile: 0936709396

Tên người hỏi: Nguyễn Thi Hà, Tên doanh nghiệp/tổ chức: Cty TNHH lương thực TP Thanh Hà, Email: dichvuketoanbn@gmail.com, Mst: 2300950461

Cách lưu trữ hóa đơn điện tử như thế nào là đúng, có bắt buộc phải lưu hóa đơn theo định dạng file xml và PDF hay không?

Trả lời:

Căn cứ Điều 11 Thông tư số 32/2011 ngày 14/3/2011 của Bộ tài chính hướng dẫn về khởi tạo, phát hành và sử dụng hoá đơn điện tử bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ:

“1. Người bán, người mua hàng hoá, dịch vụ sử dụng hóa đơn điện tử để ghi sổ kế toán, lập báo cáo tài chính phải lưu trữ hóa đơn điện tử theo thời hạn quy định của Luật Kế toán. Trường hợp hóa đơn điện tử được khởi tạo từ hệ thống của tổ chức trung gian cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử thì tổ chức trung gian này cũng phải thực hiện lưu trữ hóa đơn điện tử theo thời hạn nêu trên.

Người bán, người mua là đơn vị kế toán và tổ chức trung gian cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử có trách nhiệm sao lưu dữ liệu của hóa đơn điện tử ra các vật mang tin (ví dụ như: Bút nhớ (đĩa flash USB); đĩa CD và DVD; đĩa cứng gắn ngoài; đĩa cứng gắn trong) hoặc thực hiện sao lưu trực tuyến để bảo vệ dữ liệu của hóa đơn điện tử.

2. Hóa đơn điện tử đã lập được lưu trữ dưới dạng thông điệp dữ liệu và phải thỏa mãn các điều kiện sau:

a) Nội dung của hoá đơn điện tử có thể truy cập và sử dụng được để tham chiếu khi cần thiết;

b) Nội dung của hoá đơn điện tử được lưu trữ trong chính khuôn dạng mà nó được khởi tạo, gửi, nhận hoặc trong khuôn dạng cho phép thể hiện chính xác nội dung hoá đơn điện tử đó;

c) Hoá đơn điện tử được lưu trữ theo một cách thức nhất định cho phép xác định nguồn gốc khởi tạo, nơi đến, ngày giờ gửi hoặc nhận hoá đơn điện tử...”

Căn cứ theo quy định trên, đơn vị thực hiện lưu trữ hóa đơn điện tử theo quy định./.

Trân trọng cảm ơn!

Tên người hỏi: Nguyễn Thi Hà, Tên doanh nghiệp/tổ chức: Cty TNHH lương thực TP Thanh Hà, Email: dichvuketoanbn@gmail.com, Mst: 2300950461

Công ty TNHH kinh doanh buôn bán hàng nông sản: đầu ra bán cho 2 đối tượng: Đối tượng thứ nhất là các công ty thương mại (thuộc đối tượng không kê khai tính nộp thuế GTGT), đối tượng thứ 2 là các đối tượng khác (thuộc diện đối tượng chịu thuế suất 5%) thì thuế GTGT đầu vào được phân bổ như thế nào khi lập tờ khai thuế GTGT theo quý, xin ví dụ minh họa cụ thể

Trả lời:

Chi cục Thuế khu vực Từ Sơn – Yên Phong trả lời như sau:

Tại khoản 1, khoản 11 Điều 14 Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính quy định:

“1. Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT được khấu trừ toàn bộ, kể cả thuế GTGT đầu vào không được bồi thường của hàng hóa chịu thuế GTGT bị tổn thất.

...

11. Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho các hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ không kê khai, tính nộp thuế GTGT hướng dẫn tại Điều 5 Thông tư này (trừ khoản 2, khoản 3 Điều 5) được khấu trừ toàn bộ.”

Căn cứ quy định trên, thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT 5% và thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho các hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ không kê khai, tính nộp thuế GTGT của công ty như đã nêu ở trên được khấu trừ toàn bộ nếu đáp ứng đủ điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào theo quy định tại Điều 15, Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính. Công ty không cần phải thực hiện phân bổ thuế GTGT đầu vào khi lập hồ sơ khai thuế GTGT hàng quý.

Ví dụ: Quý 1 /2021 Công ty A mua nông sản có tổng số thuế đủ điều kiện khấu trừ là 10 triệu đồng. Doanh thu từ việc bán nông sản của Công ty A là 120 triệu (cụ thể bán cho ông Nguyễn văn K là 50 tr và bán cho Công ty C là 70 tr). Quý 1/2021 Công ty A được khấu trừ toàn bộ 10 tr tiền thuế gtgt đầu vào, khi làm tờ khai Công ty kê khai chỉ tiêu 23 là 100tr, chỉ tiêu 24= chỉ tiêu 25 và = 10 triệu)

Trân trọng cảm ơn!

Tên người hỏi: Nguyễn Thị Vui, Tên doanh nghiệp/tổ chức: Công ty TNHH Anh Quốc,

Email: Vuint20172020@gmail.com, Mst: 2300301481

Công ty thuê cước vận chuyển của cá nhân, có tháng cá nhân đẩy chớ hàng số tiền cước công ty phải trả lên đến 8.000.000đ -10.000.000đ, thì cá nhân đẩy có phải nộp thuế tncn hay không? và họ có phải kê khai quyết toán tncn hay không?

Trả lời:

Chi cục thuế KV Từ Sơn – Yên Phong có ý kiến như sau:

Trường hợp doanh nghiệp thuê cước vận chuyển của cá nhân, thì thu nhập của cá nhân này là thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh không phải là thu nhập từ tiền lương, tiền công do đó cá nhân không phải kê khai quyết toán thuế TNCN mà phải kê khai nộp thuế đối với hộ gia đình, cá nhân kinh doanh.

Căn cứ tại khoản 3, Điều 4, Thông tư số 40/2021/TT-BTC thì:

3. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo hình thức nhóm cá nhân, hộ gia đình thì mức doanh thu từ 100 triệu đồng/năm trở xuống để xác định cá nhân không phải nộp thuế GTGT, không phải nộp thuế TNCN được xác định cho một (01) người đại diện duy nhất của nhóm cá nhân, hộ gia đình trong năm tính thuế.

Trường hợp tiền cước vận chuyển của cá nhân (doanh thu) trên 100 triệu đồng/năm thì cá nhân trên phải kê khai nộp thuế GTGT và thuế TNCN với tỷ lệ thuế trên doanh thu là 4,5% (trong đó thuế GTGT là 3%, thuế TNCN là 1,5%).

Trân trọng cảm ơn!

Tên người hỏi: Nguyễn Thị Huệ, Tên doanh nghiệp/tổ chức: Công ty Cổ phần Cơ khí DTH Vina, Email: dthvina03112017@gmail.com, Mst: 2300998174

Anh Nguyễn Văn A trước đây làm việc tại Công ty TNHH thương mại B. Đến cuối tháng 4/2021 anh A nghỉ việc tại công ty đó và ký hợp đồng làm việc tại công ty chúng tôi từ tháng 5/2021. Vậy Công ty chúng tôi thực hiện Quyết toán thuế TNCN cho Anh Nguyễn Văn A năm 2021 như thế nào ?.

Trả lời:

Chi cục thuế khu vực Từ Sơn – Yên Phong trả lời như sau:

Mr Wick Kiểm toán – Đào tạo tư duy toàn diện Kế toán, BCTC & rà soát rủi ro CIT

Page: Mr Wick Kiểm toán

Group: Diễn đàn Thuế TNCN chuyên sâu

Website: taichinhketoan.edu.com

Zalo/Mobile: 0936709396

Căn cứ điểm d, khoản 6, điều 8, nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020; công văn 220/CTBNI-TTHT của Cục thuế tỉnh Bắc Ninh hướng dẫn quyết toán thuế TNDN, thuế TNCN kỳ thuế năm 2020 ngày 19/02/2021, thì Anh A là cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công phải trực tiếp khai quyết toán thuế TNCN với cơ quan thuế do trong năm quyết toán có từ 2 nguồn thu nhập.

Trân trọng cảm ơn!

Tên người hỏi: Nguyễn Thị Nam Hà, Tên doanh nghiệp/tổ chức: Công ty TNHH Môi trường Việt Tiến, Email: viettien@gmail.com, Mst: 2300945951

Ngày 01/10/2021 Doanh nghiệp A phát hiện có hoá đơn giá trị gia tăng mua vào lập ngày 10/05/2020. Trong kỳ kê khai thuế tháng 5/2020, doanh nghiệp A bỏ sót không kê khai hoá đơn này. Thời hạn kê khai, khấu trừ bổ sung tối đa là vào kỳ khai thuế tháng mấy?

Trả lời:

Chi cục Thuế khu vực Từ Sơn- Yên Phong trả lời như sau:

Căn cứ khoản 1, Điều 47 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội

Người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế trong thời hạn 10 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót nhưng trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra.

Căn cứ vào các quy định trên thì thời hạn kê khai hóa đơn GTGT đầu vào trong thời hạn 10 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót nhưng trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra. Đối với hóa đơn bỏ sót của kỳ kê khai thuế tháng 5/2020. Doanh nghiệp kê khai khai tháng 9/2021.

Trân trọng cảm ơn.

Tên người hỏi: Ngô Thu Yến, , Email: nguyen291981@gmail.com, Mst: 2301149222

Xin hỏi : Trường hợp cá nhân cho thuê nhà có mức doanh thu bình quân dưới 8.4tr/tháng . Vậy cá nhân có phải kê khai thuế không ? Trân trọng cảm ơn!

Trả lời:

Chi cục Thuế khu vực Từ Sơn – Yên Phong trả lời như sau:

Căn cứ Điều 4 Thông tư 40/2021/TT-BTC ngày 1/6/2021 quy định:

Điều 4. Nguyên tắc tính thuế

1. Nguyên tắc tính thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành về thuế GTGT, thuế TNCN và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm dương lịch từ 100 triệu đồng trở xuống thì thuộc trường hợp không phải nộp thuế GTGT và không phải nộp thuế TNCN theo quy định pháp luật về thuế GTGT và thuế TNCN. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có trách nhiệm khai thuế chính xác, trung thực, đầy đủ và nộp hồ sơ thuế đúng hạn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của hồ sơ thuế theo quy định.

3. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo hình thức nhóm cá nhân, hộ gia đình thì mức doanh thu từ 100 triệu đồng/năm trở xuống để xác định cá nhân không phải nộp thuế GTGT, không

Mr Wick Kiểm toán – Đào tạo tư duy toàn diện Kế toán, BCTC & rà soát rủi ro CIT

Page: Mr Wick Kiểm toán

Group: Diễn đàn Thuế TNCN chuyên sâu

Website: taichinhketoan.edu.com

Zalo/Mobile: 0936709396

phải nộp thuế TNCN được xác định cho một (01) người đại diện duy nhất của nhóm cá nhân, hộ gia đình trong năm tính thuế.”

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp cá nhân cho thuê nhà có mức doanh thu bình quân từ 100 triệu đồng/năm trở xuống thì không phải nộp thuế GTGT, TNCN nhưng phải nộp tờ khai thuế đối với hoạt động cho thuê tài sản theo mẫu 01/TTS ban hành kèm theo Thông tư 40/2021/TT-BTC.

Trân trọng cảm ơn.

Tên người hỏi: Nguyễn Kim Hòa, Tên doanh nghiệp/tổ chức: Công ty TNHH Hà Phương,

Email: bangdinhphuong@gmail.com, Mst: 2300312821

Cá nhân thay đổi thông tin CMND/CCCD thì có phải thực hiện thủ tục gì với cơ quan thuế hay không?

Trả lời:

Chi cục Thuế khu vực Từ Sơn – Yên Phong trả lời như sau:

Đối với các cá nhân thay đổi thông tin đăng ký thuế từ chứng minh thư sang thẻ căn cước công dân (từ 9 số sang 12 số):

Căn cứ khoản 3 Điều 10 Thông tư 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về việc thay đổi thông tin đăng ký thuế của cá nhân, người nộp thuế thực hiện như sau:

a. Đối với các cá nhân hiện đang công tác tại một cơ quan chi trả thu nhập:

- Các tổ chức, doanh nghiệp rà soát các cá nhân hiện đang là người lao động tại đơn vị có phát sinh thay đổi sang căn cước công dân, hướng dẫn các cá nhân thực hiện thay đổi thông tin đăng ký thuế qua cơ quan chi trả thu nhập. Hồ sơ cá nhân nộp cơ quan chi trả thu nhập gồm: Văn bản ủy quyền và bản sao thẻ căn cước công dân còn hiệu lực.

- Tổ chức, doanh nghiệp hiện đang chi trả cho các cá nhân tổng hợp danh sách theo mẫu số 05-ĐK-TH-TCT ban hành kèm theo Thông tư 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 và gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp cơ quan chi trả thu nhập qua Hệ thống thuế điện tử của Cơ quan thuế (<https://thuedientu.gdt.gov.vn>).

b. Đối với các cá nhân không làm việc tại cơ quan chi trả thu nhập: cá nhân nộp hồ sơ thay đổi thông tin mẫu 08-MST ban hành kèm theo Thông tư 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 và bản sao thẻ căn cước công dân còn hiệu lực tới Chi cục Thuế, Chi cục Thuế khu vực nơi cá nhân đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú (có thể gửi hồ sơ qua đường bưu chính).

Trân trọng cảm ơn!

Tên người hỏi: Nguyễn Thị Dinh, Tên doanh nghiệp/tổ chức: Công ty TNHH 1TV Xung

Huệ, Email: dinh1988@gmail.com, Mst: 2300554877

Do ảnh hưởng bởi đại dịch covid 19. Công ty chúng tôi trợ cấp cho người lao động (công nhân làm việc tại công trường phải nghỉ việc ở nhà) là 2.000.000đ/1 người/ 1 tháng. Vậy khoản trợ cấp này có tính vào thu nhập chịu thuế khi quyết toán thuế TNCN không?

Trả lời:

Chi cục thuế khu vực Từ Sơn – Yên Phong trả lời như sau:

Căn cứ điểm b, khoản 2, điều 2, thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 quy định các khoản phụ cấp, trợ cấp không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN bao gồm:

“b.6) Trợ cấp khó khăn đột xuất, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, trợ cấp một lần khi sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi, mức hưởng chế độ thai sản, mức hưởng dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau thai sản, trợ cấp do suy giảm khả năng lao động, trợ cấp hưu trí một lần,

Mr Wick Kiểm toán – Đào tạo tư duy toàn diện Kế toán, BCTC & rà soát rủi ro CIT

Page: Mr Wick Kiểm toán

Group: Diễn đàn Thuế TNCN chuyên sâu

Website: taichinhketoanedu.com

Zalo/Mobile: 0936709396

tiền tuất hàng tháng, trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm, trợ cấp thất nghiệp và các khoản trợ cấp khác theo quy định của Bộ luật Lao động và Luật Bảo hiểm xã hội.”

Căn cứ quy định trên thì trợ cấp cho người lao động do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 không tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân. Công ty phải có quyết định về việc trợ cấp khó khăn đột xuất cho các lao động phải nghỉ việc do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Trân trọng cảm ơn!

Tên người hỏi: Nguyễn Thị Oanh, Tên doanh nghiệp/tổ chức: Công ty TNHH đầu tư thương mại và dịch vụ Thiên Nam, Email: ctythiennamtsbn@gmail.com, Mst: 2301184026

Công ty muốn thuê nhà của cá nhân để làm trụ sở kinh doanh. Cá nhân thì không có hóa đơn thì tiền thuê nhà công ty tôi có được tính vào chi phí hợp lý không?

Trả lời:

Chi cục thuế khu vực Từ Sơn – Yên Phong trả lời như sau:

Theo điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài Chính quy định về chi phí thuê tài sản của cá nhân như sau:

“- Trường hợp doanh nghiệp thuê tài sản của cá nhân thì hồ sơ để xác định chi phí được trừ là hợp đồng thuê tài sản và chứng từ trả tiền thuê tài sản.

- Trường hợp doanh nghiệp thuê tài sản của cá nhân mà tại hợp đồng thuê tài sản có thỏa thuận doanh nghiệp nộp thuế thay cho cá nhân thì hồ sơ để xác định chi phí được trừ là hợp đồng thuê tài sản, chứng từ trả tiền thuê tài sản và chứng từ nộp thuế thay cho cá nhân.

- Trường hợp doanh nghiệp thuê tài sản của cá nhân mà tại hợp đồng thuê tài sản có thỏa thuận tiền thuê tài sản chưa bao gồm thuế (thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân) và doanh nghiệp nộp thuế thay cho cá nhân thì doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ tổng số tiền thuê tài sản bao gồm cả phần thuế nộp thay cho cá nhân.”

Căn cứ quy định nêu trên, tiền thuê nhà của cá nhân làm trụ sở kinh doanh để được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN thì đơn vị cần có:

- Hợp đồng thuê nhà
- Chứng từ trả tiền thuê nhà
- Chứng từ nộp thuế thay cho cá nhân (Nếu trong hợp đồng thuê nhà có thỏa thuận doanh nghiệp nộp thuế thay cho cá nhân).

Trân trọng cảm ơn !

Tên người hỏi: Lê Thị Thùy Dung, Tên doanh nghiệp/tổ chức: Công ty TNHH TMDV Xuất Nhập Khẩu An Thịnh Phát, Email: khoaketoanthue18@gmail.com, Mst: 0107045194

Công ty chúng tôi có 1 số vấn đề vướng mắc xin được hỏi Chi Cục Thuế Khu Vực Từ Sơn -Yên Phong : Công ty chúng tôi chuyên kinh doanh thương mại về thực phẩm chức năng (Sâm, nấm...).Tháng 6/2021 Công ty có nhập khẩu lô hàng từ Hàn Quốc về. Khi xuất hàng bên Công ty Xuất đã kiểm tra hàng đủ tiêu chuẩn xuất. Khi hàng về cảng, phía cơ quan Hải Quan đã kiểm tra đủ điều kiện thông quan. Trong quá trình vận chuyển hàng từ cảng về kho do thời tiết nắng nóng nên lô hàng trên đã bị hỏng do sinh hóa. Công ty chúng tôi từ trước không trích lập dự phòng hàng tồn kho do hàng về đâu thì bán hết đến đó. Doanh nghiệp xin được hỏi CCT: Khi Công ty chúng tôi làm thủ tục tiêu hủy (có đầy đủ hồ sơ tiêu hủy theo quy định)và khi hạch toán ghi : Nợ TK 632/Có TK 156 như vậy có được không? Và trong trường hợp này thì cần trích lập dự phòng không, hạch toán như nào?

Trả lời:

Chi cục Thuế khu vực Từ Sơn - Yên Phong trả lời như sau:

Tại Khoản 2 Điều 4 thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 của BTC sửa đổi, bổ sung Điều 6 thông tư số 78/2014/TT-BTC hướng dẫn về thuế TNDN quy định như sau:

“.....

b) Hàng hóa bị hư hỏng do thay đổi quá trình sinh hóa tự nhiên, hàng hóa hết hạn sử dụng, không được bồi thường thì được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

Hồ sơ đối với hàng hóa bị hư hỏng do thay đổi quá trình sinh hóa tự nhiên, hàng hóa hết hạn sử dụng, được tính vào chi phí được trừ như sau:

- Biên bản kiểm kê giá trị hàng hóa bị hư hỏng do doanh nghiệp lập.

Biên bản kiểm kê giá trị hàng hóa hư hỏng phải xác định rõ giá trị hàng hóa bị hư hỏng, nguyên nhân hư hỏng; chủng loại, số lượng, giá trị hàng hóa có thể thu hồi được (nếu có) kèm theo bảng kê xuất nhập tồn hàng hóa bị hư hỏng có xác nhận do đại diện hợp pháp của doanh nghiệp ký và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Hồ sơ bồi thường thiệt hại được cơ quan bảo hiểm chấp nhận bồi thường (nếu có).

- Hồ sơ quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phải bồi thường (nếu có).

c) Hồ sơ nêu trên được lưu tại doanh nghiệp và xuất trình với cơ quan thuế khi cơ quan thuế yêu cầu.”

Cách hạch toán hàng hóa tồn kho hàng bị hỏng:

Do doanh nghiệp không trích lập quỹ dự phòng giảm giá hàng tồn kho nên khi hàng hỏng đơn vị làm thủ tục tiêu hủy theo quy định và hạch toán xuất kho như sau:

Nợ TK 811: Giá trị hàng hỏng

Có các TK 156: Giá trị hàng hỏng

Đơn vị cần lập và lưu giữ toàn bộ hồ sơ liên quan đến lô hàng bị hỏng nêu trên và hồ sơ tiêu hủy, nêu rõ lý do tiêu hủy trong hồ sơ. Khi tiêu hủy phải đảm bảo thực hiện theo đúng quy định.

Trân trọng cảm ơn!

Tên người hỏi: Nguyễn Thị Hà Thu, Tên doanh nghiệp/tổ chức: Công ty TNHH Hoa Quả Sạch, Email: nguyenthucdts@gmail.com, Mst: 2300998872

Doanh nghiệp bán nông sản mua của người trực tiếp trồng bán ra cần những chứng từ gì để được tính chi phí hợp lý?

Trả lời:

Chi cục Thuế khu vực Từ Sơn - Yên Phong trả lời như sau:

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 6 thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 Bộ Tài Chính đã được sửa đổi tại Điều 4 thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định về các khoản chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN:

“....

2.4. Chi phí của doanh nghiệp mua hàng hóa, dịch vụ (không có hóa đơn, được phép lập Bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ mua vào theo mẫu số 01/TNDN kèm theo Thông tư này) nhưng không lập Bảng kê kèm theo chứng từ thanh toán cho người bán hàng, cung cấp dịch vụ trong các trường hợp:

- Mua hàng hóa là nông sản, hải sản, thủy sản của người sản xuất, đánh bắt trực tiếp bán ra;
- Mua hàng hóa, dịch vụ của cá nhân, hộ kinh doanh (không bao gồm các trường hợp nêu trên) có mức doanh thu dưới ngưỡng doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng (100 triệu đồng/năm).

Bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền của doanh nghiệp ký và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực. Doanh nghiệp mua hàng hóa, dịch vụ được phép lập Bảng kê tính vào chi phí được trừ nêu trên không bắt buộc phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt. Trường hợp giá mua hàng hóa, dịch vụ trên bảng kê cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua hàng thì cơ quan thuế căn cứ vào giá thị trường tại thời điểm mua hàng, dịch vụ cùng loại hoặc tương tự trên thị trường xác định lại mức giá để tính lại chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.”

Căn cứ quy định nêu trên, doanh nghiệp kinh doanh nông sản thu mua nông sản trực tiếp từ người sản xuất bán ra để được tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế TNDN cần có các chứng từ sau:

- Bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ mua vào theo mẫu số 01/TNDN kèm theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC

- Chứng từ thanh toán.

Trân trọng cảm ơn !

Tên người hỏi: Ngô Thị Lượng, Tên doanh nghiệp/tổ chức: Công ty TNHH TMampDV

Sunwon, Email: ngoluong.ty@gmail.com, Mst: 2300776037

Công ty tôi bán hàng đạt Doanh số 100.000.000 đ/Tháng Công ty tôi nhận được một khoản tiền thưởng là 10.000.00 đ nhưng khoản tiền thưởng này thay vì trả bằng tiền thì Khách hàng trả bằng hàng. Hóa đơn Ghi như sau: Giá trị hàng 9.090.000 thuế GTGT là 909.000 Đồng. Sau khi đơn vị nhận được hàng đơn vị chúng tôi và đã bán đi Doanh thu bán hàng là 10.000.000 và thuế GTGT là 1.000.000 đ. Công ty tôi xin hỏi: Với trường hợp như trên, chúng tôi hạch toán doanh thu tính thuế là bao nhiêu? Thu nhập khác là bao nhiêu? Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ bao nhiêu?

Trả lời:

Chi cục Thuế khu vực Từ Sơn – Yên Phong trả lời như sau:

-Tại Điều 7 Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính quy định về thu nhập khác:

Thu nhập khác là các khoản thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế mà khoản thu nhập này không thuộc các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh ghi trong đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp. Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập sau:

“.....

15. Quà biếu, quà tặng bằng tiền, bằng hiện vật; thu nhập nhận được bằng tiền, bằng hiện vật từ các nguồn tài trợ; thu nhập nhận được từ các khoản hỗ trợ tiếp thị, hỗ trợ chi phí, chiết khấu thanh

toán, thường khuyến mại và các khoản hỗ trợ khác. Các khoản thu nhập nhận được bằng hiện vật thì giá trị của hiện vật được xác định bằng giá trị của hàng hóa, dịch vụ tương đương tại thời điểm nhận.

.....”

Căn cứ các quy định nêu trên thì trường hợp công ty khi nhận được khoản tiền thưởng bằng hàng do đạt doanh số là 10.000.000 đồng thì đơn vị hạch toán khoản tiền thưởng này vào thu nhập khác.

- Tại Điều 5 Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính quy định về doanh thu: *Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là toàn bộ tiền bán hàng hóa, tiền gia công, tiền cung cấp dịch vụ bao gồm cả khoản trợ giá, phụ thu, phụ trội mà doanh nghiệp được hưởng không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.*

Căn cứ các quy định nêu trên thì khi công ty bán hàng thưởng nêu trên với giá bán là 10.000.000 đồng, thuế GTGT là 1.000.000 đồng thì đơn vị hạch toán khoản tiền 10.000.000 đồng vào doanh thu trong kỳ.

- Về thuế GTGT được khấu trừ:

Công ty được kê khai khấu trừ thuế GTGT là 909.000 đồng.

Trân trọng cảm ơn!

Tên người hỏi: Trần Thị Hà, Tên doanh nghiệp/tổ chức: Công ty TNHH Thành Ngân,

Email: thuhien1509@gmail.com, Mst: 2301140910

Công ty tôi là doanh nghiệp vận tải nên trong bảng kê khách hàng có rất nhiều cung đường khác nhau. Vậy công ty có được xuất hóa đơn điện tử là “kèm theo bảng kê chi tiết” được không?

Trả lời:

Chi cục thuế khu vực Từ Sơn – Yên Phong trả lời như sau:

Căn cứ khoản 1, khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2011/TT-BTC quy định:

“1. Hóa đơn điện tử là tập hợp các thông điệp dữ liệu điện tử về bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, được khởi tạo, lập, gửi, nhận, lưu trữ và quản lý bằng phương tiện điện tử. Hóa đơn điện tử phải đáp ứng các nội dung quy định tại Điều 6 Thông tư này..

....

3. Hóa đơn điện tử có giá trị pháp lý nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

a) Có sự đảm bảo đủ tin cậy về tính toàn vẹn của thông tin chứa trong hóa đơn điện tử từ khi thông tin được tạo ra ở dạng cuối cùng là hóa đơn điện tử.

Tiêu chí đánh giá tính toàn vẹn là thông tin còn đầy đủ và chưa bị thay đổi, ngoài những thay đổi về hình thức phát sinh trong quá trình trao đổi, lưu trữ hoặc hiển thị hóa đơn điện tử.

b) Thông tin chứa trong hóa đơn điện tử có thể truy cập, sử dụng được dưới dạng hoàn chỉnh khi cần thiết.”

Căn cứ Khoản 2, Điều 11 Thông tư số 32/2011/TT-BTC quy định:

“2. Hóa đơn điện tử đã lập được lưu trữ dưới dạng thông điệp dữ liệu và phải thỏa mãn các điều kiện sau:

a) Nội dung của hoá đơn điện tử có thể truy cập và sử dụng được để tham chiếu khi cần thiết;

b) Nội dung của hoá đơn điện tử được lưu trữ trong chính khuôn dạng mà nó được khởi tạo, gửi, nhận hoặc trong khuôn dạng cho phép thể hiện chính xác nội dung hoá đơn điện tử đó;

c) Hoá đơn điện tử được lưu trữ theo một cách thức nhất định cho phép xác định nguồn gốc khởi tạo, nơi đến, ngày giờ gửi hoặc nhận hoá đơn điện tử.”

Căn cứ quy định nêu trên, khi bán hàng hóa công ty xuất hóa đơn điện tử cho khách hàng thì công ty phải lập đầy đủ danh mục hàng hóa bán ra đảm bảo nguyên tắc thông tin chứa trong hóa đơn điện tử có thể truy cập, sử dụng được dưới dạng hoàn chỉnh khi cần thiết theo quy định tại Khoản 3, Điều 3, Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/03/2011 của Bộ Tài chính. Công ty không được lập hóa đơn điện tử không có danh mục hàng hóa mà lại kèm theo bảng kê hàng hóa bán giấy cho khách hàng.

Trân trọng cảm ơn!

Tên người hỏi: Đặng Đình Hợp, Tên doanh nghiệp/tổ chức: Công ty TNHH SX và TM Thái Anh, Email: hoanganh14021983@Gmail.com, Mst: 2300379784

Đơn vị chúng tôi mua tài sản đầu giá của Tổng công ty đường sắt là 11 tỷ đồng. Sau khi trúng đấu giá đơn vị chúng tôi đã bán lại lô trúng đấu giá đó cho bên Công ty B. Sau khi trúng đấu giá đơn vị chúng tôi đã ủy quyền thanh toán cho Công ty B Thanh toán số tiền trúng đấu giá cho Tổng công ty đường sắt là 11 tỷ đó. Công ty Đường sắt xuất trả hóa đơn cho đơn vị chúng tôi là 10 tỷ tiền hàng và 1 tỷ tiền thuế vậy số thuế GTGT đó đơn vị chúng tôi có được khấu trừ không? Điều kiện như thế nào để đơn vị chúng tôi đủ điều kiện khấu trừ.

Trả lời:

Chi cục thuế Khu vực Từ Sơn – Yên Phong trả lời như sau:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Thông tư 219/2013/TT-BTC quy định về Nguyên tắc khấu trừ thuế GTGT đầu vào như sau:

“1. Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT được khấu trừ toàn bộ, kể cả thuế GTGT đầu vào không được bồi thường của hàng hóa chịu thuế GTGT bị tổn thất.....”

Theo Khoản 10 Điều 1 Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài Chính sửa đổi bổ sung Điều 15 Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài Chính có nêu rõ quy định về điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào:

“1. Có hóa đơn giá trị gia tăng hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ mua vào hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng nhập khẩu hoặc chứng từ nộp thuế GTGT.....”

2. Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào (bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu) từ hai mươi triệu đồng trở lên, trừ các trường hợp giá trị hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu từng lần có giá trị dưới hai mươi triệu đồng, hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần theo hóa đơn dưới hai mươi triệu đồng theo giá đã có thuế GTGT và trường hợp cơ sở kinh doanh nhập khẩu hàng hóa là quà biếu, quà tặng của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài.

...

4. Các trường hợp thanh toán không dùng tiền mặt khác để khấu trừ thuế GTGT đầu vào gồm:

....

c) Trường hợp hàng hoá, dịch vụ mua vào được thanh toán uỷ quyền qua bên thứ ba thanh toán qua ngân hàng (bao gồm cả trường hợp bên bán yêu cầu bên mua thanh toán tiền qua ngân hàng cho bên thứ ba do bên bán chỉ định) thì việc thanh toán theo uỷ quyền hoặc thanh toán cho bên thứ ba theo chỉ định của bên bán phải được quy định cụ thể trong hợp đồng dưới hình thức văn bản và bên thứ ba là một pháp nhân hoặc thể nhân đang hoạt động theo quy định của pháp luật.

Trường hợp sau khi thực hiện các hình thức thanh toán nêu trên mà phần giá trị còn lại được thanh toán bằng tiền có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên thì chỉ được khấu trừ thuế đối với trường hợp có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

...”

Như vậy việc đơn vị uỷ quyền cho Công ty B thanh toán số tiền trúng đấu giá cho Tổng công ty đường sắt nếu được quy định rõ trong hợp đồng thì Doanh nghiệp được kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với khoản thuế của hàng hóa trúng đấu giá nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện nêu trên.

Trân trọng cảm ơn!

Tên người hỏi: Nguyễn Đắc Quảng, Tên doanh nghiệp/tổ chức: Công ty TNHH Đắc Anh Dũng, Email: ttthuy1608@gmail.com, Mst: 2301181642

Ngày 1/11/2021 có quyết định Từ Sơn lên thành phố, xin hỏi đối với hóa đơn GTGT đặt in đã phát hành gửi cơ quan thuế thì xử lý thế nào?

Trả lời:

Chi cục thuế khu vực Từ Sơn – Yên Phong trả lời như sau:

Căn cứ vào Khoản 2, Điều 9, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính quy định:

“...Đối với các số hóa đơn đã thực hiện thông báo phát hành nhưng chưa sử dụng hết có in sẵn tên, địa chỉ trên tờ hóa đơn, khi có sự thay đổi tên, địa chỉ nhưng không thay đổi mã số thuế và cơ quan thuế quản lý trực tiếp, nếu tổ chức kinh doanh vẫn có nhu cầu sử dụng hóa đơn đã đặt in thì thực hiện đóng dấu tên, địa chỉ mới vào bên cạnh tiêu thức tên, địa chỉ đã in sẵn để tiếp tục sử dụng và gửi thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp (mẫu số 3.13 Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này)...”

Căn cứ quy định trên:

- Trường hợp đơn vị vẫn có nhu cầu sử dụng tiếp các số hóa đơn đã phát hành nhưng chưa sử dụng hết thì thực hiện đóng dấu tên, địa chỉ mới vào bên cạnh tiêu thức tên, địa chỉ đã in sẵn để tiếp tục sử dụng và gửi thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn (mẫu TB04/AC) đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

- Trường hợp đơn vị không có nhu cầu sử dụng tiếp các số hóa đơn đã phát hành nhưng chưa sử dụng hết: thực hiện hủy các số hóa đơn chưa sử dụng và thông báo kết quả hủy hóa đơn theo mẫu TB03/AC gửi cơ quan thuế.

Trân trọng cảm ơn!

Mr Wick Kiểm toán – Đào tạo tư duy toàn diện Kế toán, BCTC & rà soát rủi ro CIT

Page: Mr Wick Kiểm toán

Group: Diễn đàn Thuế TNCN chuyên sâu

Website: taichinhketoan.edu.com

Zalo/Mobile: 0936709396

Tên người hỏi: Lê Thị Thùy, Tên doanh nghiệp/tổ chức: Công ty TNHH xây dựng Bắc Thành Công, Email: huenguyen288.hn@gmail.com, Mst: 2300794195

Khoản hỗ trợ bằng tiền cho người lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp (theo nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2021) có được coi là thu nhập của người lao động và tính vào TNCT của người lao động khi quyết toán thuế TNCN không?

Xin cơ quan thuế giải đáp.

Trả lời:

Chi cục thuế khu vực Từ Sơn – Yên Phong trả lời như sau:

Căn cứ điểm b6, khoản 2, điều 2, thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 (được sửa đổi bổ sung theo thông tư 92/2015/TT-BTC) quy định:

“b.6) Trợ cấp khó khăn đột xuất, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, trợ cấp một lần khi sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi, mức hưởng chế độ thai sản, mức hưởng dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau thai sản, trợ cấp do suy giảm khả năng lao động, trợ cấp hưu trí một lần, tiền tuất hàng tháng, trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm, trợ cấp thất nghiệp và các khoản trợ cấp khác theo quy định của Bộ luật Lao động và Luật Bảo hiểm xã hội.”

Căn cứ quy định trên, khoản hỗ trợ bằng tiền từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 theo nghị quyết số 116/NQ-CP thuộc khoản trợ cấp thất nghiệp sẽ không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN.

Trân trọng cảm ơn!

Tên người hỏi: Trần Thị Hương, Tên doanh nghiệp/tổ chức: Công ty sản xuất và thương mại Đạt Phát - TNHH, Email: huongtt186@gmail.com, Mst: 2300248220

Trong năm 2021 doanh nghiệp có doanh thu trên 200 tỷ có được hỗ trợ các chính sách giảm thuế TNDN do ảnh hưởng dịch covid không?

Trả lời:

Chi cục Thuế khu vực Từ Sơn – Yên Phong trả lời như sau:

Năm 2021, trước tình hình dịch Covid-19 bùng phát trở lại đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp, người dân. Hiện nay Chính phủ đang trình Quốc hội ban hành Nghị quyết một số giải pháp về miễn, giảm thuế nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19, trong đó có giải pháp giảm 30% số thuế TNDN phải nộp năm 2021 đối với doanh nghiệp có doanh thu năm 2021 không quá 200 tỷ đồng. Khi Nghị quyết của Quốc hội được ban hành, Cục Thuế thông tin đến người nộp thuế và đăng tải trên trang web Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh (<https://bacninh.gdt.gov.vn>) để doanh nghiệp và người dân được biết và thực hiện.

Trân trọng cảm ơn!

Tên người hỏi: Nguyễn Thị Thanh Huệ, Tên doanh nghiệp/tổ chức: Công ty TNHH xây dựng và thương mại Phương Đông Bắc Ninh, Email: huenguyen288.hn@gmail.com, Mst: 2300883166

Công ty không có quỹ phúc lợi, hàng năm vào dịp tết trung thu và tết Nguyên Đán đều có mua quà (bánh trung thu, bánh, quà tết) tặng nhân viên. Xin hỏi phần chi phí quà tặng này công ty có được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN hay không ?

Trả lời:

Chi cục Thuế khu vực Từ Sơn - Yên Phong trả lời như sau:

Căn cứ quy định tại Điều 4 thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 sửa đổi bổ sung khoản 1 Điều 6 thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 Bộ Tài Chính quy định:

“1. Trừ các khoản chi không được trừ nêu tại Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

c) Khoản chi nếu có hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng.”

Căn cứ quy định tại Điều 4 thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 sửa đổi bổ sung khoản 2 Điều 6 thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 Bộ Tài Chính: Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế bao gồm:

“.....

2.30. Các khoản chi không tương ứng với doanh thu tính thuế, trừ các khoản chi sau:

.....

Khoản chi có tính chất phúc lợi chi trực tiếp cho người lao động như: chi khám chữa bệnh, chi khám chữa bệnh, chi nghỉ mát, chi hỗ trợ điều trị; chi hỗ trợ bổ sung kiến thức học tập tại cơ sở đào tạo; chi hỗ trợ gia đình người lao động bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch họa, tai nạn, ốm đau; chi khen thưởng con của người lao động có thành tích tốt trong học tập; chi hỗ trợ chi phí đi lại ngày lễ, tết cho người lao động; chi bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tự nguyện khác cho người lao động (trừ khoản chi mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động hướng dẫn tại điểm 2.6, bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho người lao động hướng dẫn tại điểm 2.11 Điều này) và những khoản chi có tính chất phúc lợi khác. Tổng số chi có tính chất phúc lợi nêu trên không quá 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế của doanh nghiệp”

Căn cứ quy định trên thì doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với các khoản chi có tính chất phúc lợi chi trực tiếp cho người lao động nếu có đầy đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định và tổng số chi không quá 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế.

Trân trọng cảm ơn!

Tên người hỏi: Vũ Thị Tươi, Tên doanh nghiệp/tổ chức: Công ty cp ĐT TM DV Cao Gia,
Email: caogiavina@gmail.com, Mst: 2301129219

Ngày 1/10/2021 đoàn kiểm tra chi cục thuế xuống trụ sở Công ty công bố quyết định kiểm tra (thời kỳ kiểm tra từ năm 2018-2020). Ngày 3/10/2021 Công ty phát hiện tờ khai thuế GTGT quý

Mr Wick Kiểm toán – Đào tạo tư duy toàn diện Kế toán, BCTC & rà soát rủi ro CIT

Page: Mr Wick Kiểm toán

Group: Diễn đàn Thuế TNCN chuyên sâu

Website: taichinhketoan.edu.com

Zalo/Mobile: 0936709396

4/2020 hóa đơn đầu vào kê khai sai. Vậy Công ty tôi có được khai bổ sung tờ khai thuế GTGT quý 4/2020 khi cơ quan thuế đã công bố quyết định kiểm tra thuế tại trụ sở NNT hay ko?

Trả lời:

Chi cục Thuế khu vực Từ Sơn- Yên Phong trả lời như sau:

Căn cứ khoản 2 Điều 47 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội

2. Khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền đã công bố quyết định thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế thì người nộp thuế vẫn được khai bổ sung hồ sơ khai thuế; cơ quan thuế thực hiện xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế đối với hành vi quy định tại Điều 142 và Điều 143 của Luật này.

Căn cứ quy định trên, Công ty cổ phần ĐT TM DV Cao Gia được khai bổ sung HSKT GTGT quý 4/2020, cơ quan thuế căn cứ vào HSKT bổ sung quý 4/2020 Công ty đã nộp sẽ thực hiện xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định tại Điều 142 và Điều 143 của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của quốc hội.

Trân trọng cảm ơn.